

Tp.HCM ngày 27 tháng 03 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam

Mã chứng khoán: CAV

Địa chỉ trụ sở chính: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Q.1, TPHCM

Điện thoại: 38299443

Fax: 38299437

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Quang Định

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Q1, TPHCM

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 38299443

Fax: 38299437

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố (*):

- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam công bố Báo cáo thường niên năm 2018.
- Thông tin này sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/03/2019 tại đường dẫn: <http://www.cadivi-vn.com/vn/bao-cao-thuong-nien.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

***Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo thường niên năm 2018.

**Người đại diện theo pháp luật/
Người được ủy quyền công bố thông tin**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



CADIVI

ĐEM NGUỒN SÁNG ĐẾN MỌI NƠI

CADIVI
Đem nguồn sáng đến mọi nơi

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
Vietnam Electric Cable Corporation

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Tuấn

Kính thưa Quý cổ đông, nhà đầu tư và Quý khách hàng,

Trong năm 2018, tình hình an ninh chính trị thế giới nói chung còn nhiều bất ổn, nền kinh tế toàn cầu biến động mạnh, chưa thực sự ổn định. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam lại ghi nhận những con số ấn tượng, với tốc độ tăng trưởng GDP cao ở mức 7,08% - cao nhất trong 10 năm trở lại đây.

Đối với CADIVI, năm 2018 là một năm Công ty đối mặt với không ít rào cản khi thị trường cạnh tranh dây cáp điện tranh ngày càng khốc liệt, các đối thủ trong ngành luôn đeo bám. Tuy giá cả các mặt hàng nguyên vật liệu chính dùng trong sản xuất của CADIVI như đồng, nhôm... đều biến động trong xu hướng giảm, nhưng điều đó cũng gây ra sức ép cạnh tranh lên giá cả sản phẩm. Tuy nhiên, vượt qua những khó khăn chung của thị trường, bằng định hướng chiến lược đúng đắn cùng nỗ lực của đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp và tận tâm, Công ty vẫn duy trì sự tăng trưởng khi hoàn thành kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã đề ra.

Những điều đó được thể hiện qua những con số cụ thể sau đây: kết thúc năm 2018, doanh thu hợp nhất và lợi nhuận trước thuế tăng lần lượt là 25,21% và 29,39% so với năm 2017 và tăng 4,11% và 16,61% so với kế hoạch; Thị phần CADIVI giữ vững 30%.

CADIVI xác định mục tiêu, sứ mệnh của Công ty là mang lại giải pháp truyền tải điện tốt nhất, an toàn nhất, tiết kiệm nhất cho khách hàng với phương châm “Mang nguồn sáng đến mọi nơi”; góp phần xây dựng một xã hội ngày càng tốt đẹp hơn. Nhờ đó, CADIVI trong năm qua đạt được nhiều thành tựu: Thương hiệu quốc gia lần thứ 6 liên tiếp; Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu dành cho nhóm sản phẩm dây cáp (cáp điện lực hạ thế, cáp điện lực trung thế); Doanh nghiệp có năng lực quản trị tài chính tốt nhất, đứng đầu ngành Cơ khí năm 2018; Doanh nghiệp TP HCM tiêu biểu 2018; Sản phẩm CADIVI được bình chọn là sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu năm 2018; CADIVI lần thứ 4 liên tiếp nằm trong top “50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam” năm 2018; CADIVI đạt chứng nhận hàng VN chất lượng cao liên tiếp lần thứ 23.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin cảm ơn Quý khách hàng đã luôn tin tưởng ủng hộ CADIVI trong suốt hơn 43 năm qua, Quý cổ đông và nhà đầu tư đã đặt niềm tin nơi Công ty cũng như toàn thể các cơ quan, bộ ngành các cấp và Công ty mẹ Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đã tạo điều kiện để CADIVI phát triển. Và cuối cùng không thể không kể đến sự đóng góp của tập thể cán bộ công nhân viên của CADIVI. Hội đồng quản trị tin tưởng rằng với sự tín nhiệm của khách hàng và cổ đông, CADIVI sẽ duy trì tăng trưởng ổn định và phát triển hơn nữa trong thị trường ngành dây cáp điện.

Trân trọng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

TÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

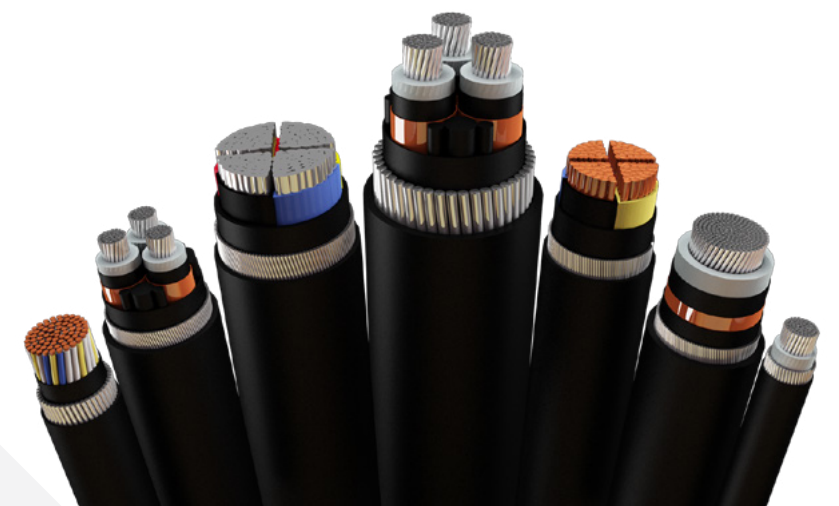
BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

QUẢN TRỊ CÔNG TY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

“KHÔNG NGỪNG VƯƠN XA”

Cung cấp cho xã hội và cộng đồng những sản phẩm dây cáp điện,
thiết bị điện chất lượng cao, an toàn, tiết kiệm điện.



THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát về công ty

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

SỨ MỆNH

Cung cấp cho xã hội và cộng đồng những sản phẩm dây cáp điện, thiết bị điện chất lượng cao, an toàn, tiết kiệm điện.

TÂM NHÌN

Xây dựng CADIVI đến năm 2020 trở thành nhà sản xuất dây cáp điện lớn nhất và uy tín nhất tại Việt Nam.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Chất lượng sản phẩm tốt
- Thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng.
- Có trách nhiệm xã hội với cộng đồng.
- Đoàn kết, chủ động, sáng tạo.
- Tính chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm cao.
- Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần tốt nhất cho người lao động.
- Đảm bảo lợi ích của cổ đông trên cơ sở phát triển công ty bền vững

TƯ TƯỞNG CỐT LÕI

Đoàn kết - Sáng tạo - Phát triển

MỤC TIÊU CỐT LÕI

Không ngừng vươn xa

TRIẾT LÝ KINH DOANH

- Chất lượng sản phẩm tốt là nền tảng cho sự tồn tại và phát triển của Công ty.
- Thỏa mãn khách hàng là mục tiêu hàng đầu của Công ty.
- Lợi ích của khách hàng cũng là lợi ích của Công ty.

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

Giấy chứng nhận đăng ký : 0300381564 (số cũ 4103007511) đăng ký lần đầu ngày
doanh nghiệp số : 08/08/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 19/06/2017

Vốn điều lệ : 576.000.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 576.000.000.000 đồng

Địa chỉ : Số 70 – 72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

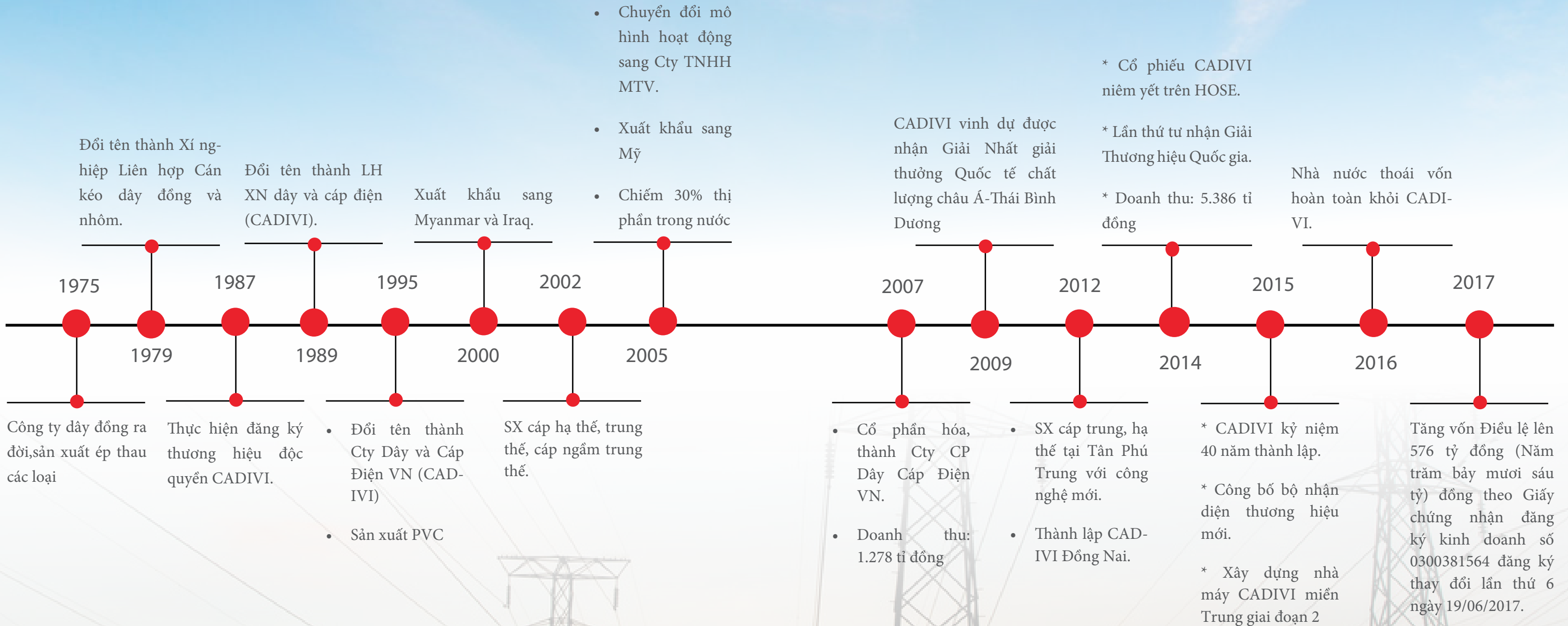
Số điện thoại : (028) 3829 9443

Số fax : (028) 3829 9437

Website : cadivi-vn.com

Mã chứng khoán : CAV

Quá trình hình thành và phát triển



Những hoạt động, các sự kiện nổi bật

- Tổ chức thành công Hội nghị khách hàng tại Khu vực Miền Trung/Thanh Hóa/Phú Quốc/Nghệ An.
- Chi nhánh CADIVI Tây Nguyên thanh lập và đi vào hoạt động.
- Khởi công xây dựng nhà xưởng và các công trình Dự án nâng cao năng lực sản xuất cáp điện tại CADIVI Miền Trung.



Các giải thưởng trong năm 2018

- Đạt danh hiệu Sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu năm 2018.
- Top 50 doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam.
- Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.
- Đạt danh hiệu Doanh nghiệp Tp. Hồ Chí Minh tiêu biểu.
- Đạt danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn.
- Doanh nghiệp có sản phẩm đạt thương hiệu Quốc gia giai đoạn 2018-2020.



Ngành nghề và địa bàn hoạt động

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty hiện nay là chuyên sản xuất các loại dây và cáp điện phục vụ rộng rãi cho các ngành kinh tế quốc dân cũng như các nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt thường ngày và cho xuất khẩu. Khách hàng chủ yếu của Công ty là các Công ty Điện lực; các nhà thầu xây lắp điện dân dụng, công nghiệp; các nhà sản xuất, các nhà đầu tư có sử dụng máy, thiết bị công nghiệp; các cộng đồng dân cư và các hộ gia đình. Trong những năm qua, sản phẩm dây và cáp điện mang nhãn hiệu CADIVI luôn được khách hàng đánh giá cao.

CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU CỦA CÔNG TY



Dây điện dân dụng



Khí cụ điện và phụ kiện



Dây trần



Cáp rẻ quạt



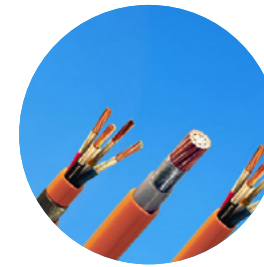
Cáp xuất khẩu

Địa bàn hoạt động

Địa bàn kinh doanh của Công ty trải dài khắp cả nước từ Bắc đến Nam với hơn 200 đại lý cấp 1 và sản phẩm của CADIVI đã có mặt ở hơn 30 quốc gia trên thế giới.



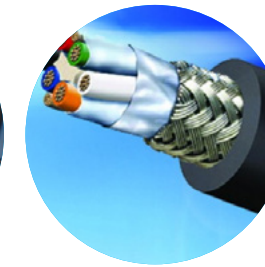
Cáp điện lực hạ thế



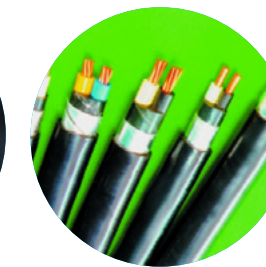
Cáp chống cháy



Cáp điện lực trung thế



Cáp điều khiển



Cáp điện kế



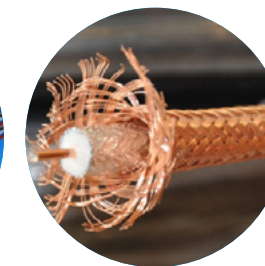
Cáp vặn xoắn hạ thế



Cáp vặn xoắn trung thế



Cáp multiplex



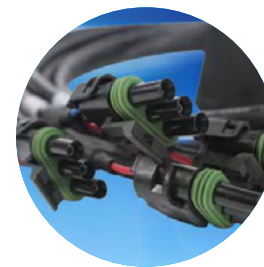
Dây cáp đồng trục



Cáp hàn



Cáp truyền số liệu



Dây điện dùng trong ô tô và xe gắn máy



Dây tráng men



Dây đồng chữ nhật bọc cáp cách điện



Cáp hybrid

Thông tin về mô hình quản trị tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty con, Công ty liên kết

Công ty con

Tên công ty con	:	Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai
Địa chỉ	:	Đường số 1, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, Đồng Nai
Điện thoại	:	(0251) 351 4128
Vốn điều lệ	:	300.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	:	300.000.000.000 đồng
Tỷ lệ góp vốn	:	100%
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	:	Sản xuất dây cáp điện, thiết bị điện

Tên công ty con	:	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc
Địa chỉ	:	Lô D1-3, KCN Đại Đồng, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại	:	(022) 2222 0456
Vốn điều lệ	:	100.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	:	100.000.000.000 đồng
Tỷ lệ góp vốn	:	100%
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	:	Sản xuất dây cáp điện, thiết bị điện

Công ty liên kết

Không có

Các nhà máy và chi nhánh

Các nhà máy



Nhà máy CADIVI Miền Đông

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1 - Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 3.836.165 – 3.836.187

Fax: (0251) 3.836.444



Nhà máy CADIVI Sài Gòn

Địa chỉ: Lô C2-4, đường N7, KCN Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP HCM.

Điện thoại: (028) 66.833.602

Fax: (028) 37.968.268



Nhà máy CADIVI Miền Trung

Địa chỉ: Đường số 2, KCN Hòa Cẩm, Q. Cẩm Lệ – TP Đà Nẵng

Điện thoại: (0236) 3662339

Fax: (0236) 3662379

Chi nhánh



Chi nhánh Cadivi Tây Nguyên

Địa chỉ: số 401 Phạm Văn Đồng, Phường Tân Hòa, Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Điện thoại: (0262) 3762 777

Fax: (0262) 3763 777

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- CADIVI hoạt động với các phương châm kinh doanh luôn hướng đến tối đa hóa lợi nhuận của cổ đông bền vững, đảm bảo lợi ích của cán bộ công nhân viên Công ty. Hơn thế nữa, CADIVI luôn muốn thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng và xã hội, không chỉ về phương diện vật chất mà còn về các giá trị phi vật chất.
- Hiểu được tầm quan trọng của yếu tố nhân sự, CADIVI chú trọng công tác đào tạo về quản trị và các kiến thức chuyên môn để nâng cao năng lực của đội ngũ nhân sự. Phát triển nguồn nhân lực có trình độ, chất lượng, có tác phong công nghiệp và kỷ luật cao nhằm phục vụ tốt công tác quản lý, vận hành hoạt động sản xuất kinh doanh là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và thiết yếu mà CADIVI đặt ra qua các thời kì. Ngoài ra, Công ty sẽ tiếp tục phát huy các phong trào về sáng kiến sáng chế, cải tiến khoa học kỹ thuật để áp dụng vào thực tiễn sản xuất.
- CADIVI đã và đang thực hiện các chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tiết kiệm, hiệu quả, xây dựng thành công văn hóa doanh nghiệp và tích cực thực hiện các công tác về an sinh xã hội.

Chiến lược trung và dài hạn

CADIVI mong muốn duy trì tăng trưởng vững chắc cả về lợi nhuận và thị phần hàng năm, nhưng vẫn giữ được sự cân đối hài hòa giữa hai yếu tố. Công ty lấy sản xuất, kinh doanh dây cáp điện, khí cụ điện làm trọng tâm, đồng thời tranh thủ khai thác tốt các cơ hội kinh doanh giúp đem lại lợi nhuận cao, tạo tiền đề hỗ trợ cho công tác tái sản xuất.

Với định hướng “Giữ vững sân nhà để vươn ra sân người”, tức là chiếm lĩnh thị trường trong nước để tạo đà cho CADIVI vươn xa hơn nữa đến những thị trường quốc tế tiềm năng. Công ty từng bước đầu tư phát triển, phấn đấu đến năm 2020 trở thành nhà sản xuất dây cáp điện lớn nhất và uy tín nhất tại Việt Nam.

Ngoài ra, CADIVI còn xây dựng Quỹ xã hội từ thiện để ủng hộ thiên tai, người nghèo, xây nhà tình nghĩa cũng như tham gia thực hiện các công tác bảo vệ môi trường, xã hội, cộng đồng...

Các mục tiêu phát triển bền vững

Đối với khách hàng

Với triết lý kinh doanh “Chất lượng sản phẩm tốt là nền tảng cho sự tồn tại và phát triển của Công ty”, mục tiêu hàng đầu của CADIVI là thỏa mãn nhu cầu của khách hàng, lợi ích của khách hàng cũng chính là lợi ích Công ty. Vì vậy, Công ty luôn đề ra những kế hoạch phát triển sản phẩm với chất lượng hướng đến giá trị cuộc sống của khách hàng.

Đối với cổ đông

Quản lý, sử dụng, đầu tư vốn hiệu quả với mục đích nhằm tối ưu hóa lợi ích lâu dài của cổ đông.

Đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

Công ty luôn cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng và xã hội, chung tay góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp và phát triển bền vững.

Đối với người lao động

Con người chính là yếu tố cốt lõi làm nên một doanh nghiệp vững mạnh, CADIVI đặt lợi ích của cán bộ công nhân viên Công ty lên hàng đầu. Không chỉ chăm lo về đời sống vật chất và tinh thần, CADIVI còn tạo ra nhiều cơ hội đào tạo các kỹ năng chuyên môn, phát triển nghề nghiệp tạo điều kiện cho người lao động có thể vươn xa hơn trong công việc. Bên cạnh đó, Công ty còn luôn cải thiện các chính sách cho người lao động, để họ luôn cảm thấy Công ty chính là ngôi nhà thứ hai của mình.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các yếu tố rủi ro

Các doanh nghiệp hoạt động trên thị trường đều phải đối mặt với những rủi ro đến từ nền kinh tế như tăng trưởng kinh tế, lãi suất, tỷ giá... Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng phải đối mặt với những rủi ro đặc thù của ngành đang hoạt động. Sự biến động của những nhân tố này theo hướng tích cực hay tiêu cực đều dẫn đến những rủi ro tiềm tàng nhất định, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, CADIVI luôn nắm bắt những biến động này nhằm để ra biện pháp ứng phó phù hợp với tình hình hiện tại.

Rủi ro kinh tế

Rủi ro tăng trưởng kinh tế

Nền kinh tế thế giới năm 2018 có phần chững lại vì những biến động mạnh như sự leo thang của căng thẳng Mỹ - Trung, FED liên tục có những đợt điều chỉnh tăng lãi suất, tình hình an ninh chính trị tại một số khu vực vẫn chưa ổn định... đã làm cho kinh tế toàn cầu gặp nhiều khó khăn.

Tuy nhiên bất chấp những biến động lớn, bức tranh kinh tế toàn cầu vẫn có nhiều khởi sắc trong năm 2018. Cụ thể, tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2018 ước tính tăng 3,7%, cao hơn 0,1 điểm % so với năm 2017, nhưng con số này là không nhiều.

Theo Công bố báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2019 dự kiến đạt 3,5%, giảm 0,2% so với năm nay. Nguyên nhân có sự sụt giảm này là do tình hình căng thẳng thương mại diễn ra giữa Mỹ và Trung Quốc.

Đối với tình hình kinh tế trong nước, theo số liệu của Tổng cục thống kê năm 2018 tăng trưởng GDP Việt Nam đạt 7,08%, là mức tăng cao nhất trong vòng 10 năm qua kể từ năm 2008. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%, đóng góp 8,7% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng



tăng 8,85%, đóng góp 48,6%; khu vực dịch vụ tăng 7,03%, đóng góp 42,7%. Quy mô nền kinh tế năm 2018 theo giá hiện hành đạt 5.535,3 nghìn tỷ đồng; GDP bình quân đầu người ước tính đạt 58,5 triệu đồng, tương đương 2.587 USD, tăng 198 USD so với năm 2017. Năm 2018, mặc dù phải đối mặt với những biến động kinh tế lớn trên thế giới, thương mại toàn cầu tăng trưởng chậm thê nhưng kinh tế Việt Nam vẫn đạt được thành tựu như trên là điều rất đáng khích lệ.

Theo báo cáo của Tổng cục thống kê, trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp năm 2018 duy trì mức tăng trưởng khá với 8,79%, đóng góp 2,85 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục khẳng định là điểm sáng của khu vực này và là động lực chính của tăng trưởng với mức tăng 12,98%, tuy thấp hơn mức tăng của cùng kỳ năm 2017 nhưng cao hơn nhiều so với mức tăng các năm 2012-2016. Kinh tế qua các năm đều tăng trưởng khả quan tạo

tiền đề cho tăng trưởng của các ngành trong tương lai.

Là một doanh nghiệp hàng đầu trong sản xuất dây cáp điện, CTCP Dây cáp điện Việt Nam luôn cố gắng nắm bắt những cơ hội của thị trường, cũng như hiểu rõ thách thức mà nền kinh tế đặt ra. Từ đó, chuyển hoá thách thức thành cơ hội để phát triển ổn định, bền vững.

Lãi suất

Trong năm 2018, tình hình lãi suất huy động và tỷ giá đều có xu hướng tăng mạnh bắt đầu từ quý III và tiếp tục kéo dài đà tăng sang các tháng của quý IV. Theo số liệu của Viện Chiến lược ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước, đối với lãi suất huy động, tính đến hết tháng 10, lãi suất 3 tháng giảm 0,01 điểm % so với cuối năm 2017; lãi suất 6 tháng tăng từ 0,11 - 0,14 điểm % so với cuối năm 2017; lãi suất 12 tháng tăng từ 0,07 đến 0,14 điểm % so với cuối năm 2017.

Theo báo cáo của Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia, lãi suất năm 2019 được dự báo có khả năng tiếp

tục chịu áp lực tăng do nhiều nguyên nhân. Thứ nhất, FED nhiều khả năng sẽ tiếp tục lộ trình tăng lãi suất trong năm 2019, đạt mức lãi suất điều hành dự kiến là 3,5%. Thứ hai, lạm phát trong năm 2019 có thể sẽ tăng cao hơn 2018, tạo ra áp lực tăng lãi suất tiền gửi với hệ thống ngân hàng. Ngoài ra, các yếu tố rủi ro bên ngoài như chính sách tiền tệ tại các quốc gia trên thế giới đang theo hướng thắt chặt hơn, trực tiếp góp phần tăng chi phí vay mượn trên quy mô toàn cầu.

Trong năm 2018, CADIVI đã gia tăng các khoản vay nợ để tài trợ cho các nhu cầu hoạt động kinh doanh trong năm. Hiện nay, tỷ lệ nợ vay của CADIVI vẫn ở mức thấp cùng với tình hình tài chính khá ổn định, rủi ro biến động lãi suất ít tác động đến hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, để giảm thiểu tối đa những tổn thất có thể xảy ra thì CADIVI luôn theo dõi tình hình biến động lãi suất, để có thể đưa ra những kế hoạch sử dụng đòn bẩy tài chính phù hợp.

Các yếu tố rủi ro

Tỷ giá hối đoái

Tình hình tỷ giá trong năm 2018, theo Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia tỷ giá trung tâm tăng khoảng 1,5% so với đầu năm, tỷ giá ngân hàng thương mại tăng khoảng 2,8% và tỷ giá thị trường tự do tăng khoảng 3,5% so với đầu năm. Nguyên nhân chủ yếu khiến tỷ giá trong nước tăng là: (i) xét yếu tố quốc tế, chỉ số USD index tăng khoảng 5% so với đầu năm, tăng 9% so với mức đáy hồi tháng 2/2018; (ii) xét yếu tố cơ bản trong nước, tỷ giá vẫn chịu áp lực từ phía lạm phát song lại được hỗ trợ tích cực từ phía cân đối cung cầu ngoại tệ.

Dự báo áp lực tỷ giá năm 2019 được giảm thiểu do các yếu tố tác động trong nước và quốc tế đang có chiều hướng thuận lợi. Thứ nhất, khả năng USD sẽ không tăng nhiều thậm chí có thể suy yếu hơn. Thứ hai, lạm phát trong nước có khả năng kiểm soát khoảng 4% do giá hàng hóa thế giới tăng không lớn, áp lực lên tỷ giá giảm bớt.

CADIVI là một doanh nghiệp không chỉ hoạt động trong thị trường nội địa mà còn xuất khẩu các sản phẩm cáp điện sang các thị trường quốc tế, và chiếm tỉ trọng lớn là thị trường Trung Quốc, Nhật Bản, Vì vậy, Công ty đã có những theo dõi tình hình tỷ giá, đặc biệt là tỷ giá đồng USD/VND, CNY/VND và JPY/VND, để có những kế hoạch giải pháp kịp thời nếu tình hình tỷ giá biến động mạnh.

Rủi ro thị trường

Thị trường trong nước

Khối lượng lưới điện truyền tải dự kiến xây dựng theo từng giai đoạn

Hạng mục	Đơn vị	2011 - 2015	2016 - 2020	2021 - 2025	2026 - 2030
ĐZ 500Kv	Km	3.833	4.539	2.234	2.724
ĐZ 220kV	Km	10.637	5.305	5.552	5.020

Hạng mục	Đơn vị	2011 - 2020		2021 - 2030	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nguồn điện	Tỷ đồng	619.300	74,64%	935.300	65,44%
Lưới điện	Tỷ đồng	210.400	25,36%	494.000	34,56%
Tổng cộng	Tỷ đồng	829.700	100,00%	1.429.300	100,00%

Từ những số liệu trên có thể thấy thị trường trong nước còn nhiều tiềm năng để phát triển trong khi hiện tại CADIVI đang chiếm tỷ trọng đến khoảng 30% thị phần trên thị trường dây cáp điện Việt Nam, thì đây sẽ yếu tố giúp Công ty hưởng lợi lớn. Bên cạnh đó, việc thị trường bất động sản dần phục hồi những năm gần đây cũng tạo cơ hội cho các sản phẩm dây điện dân dụng của CADIVI gia tăng sản lượng tiêu thụ.

Thị trường xuất khẩu

Năm 2018, mặt hàng dây điện và dây cáp điện của Việt Nam xuất khẩu chủ yếu sang thị trường Trung Quốc, chiếm 37,14% tỷ trọng đạt 530,79 triệu USD, tăng 39,13% so với cùng kỳ, riêng tháng 10/2018 xuất khẩu dây điện và dây cáp điện sang Trung Quốc chỉ có 61,54 triệu USD, giảm 22,19% so với tháng 9/2018 và giảm 5,47% so với tháng 10/2017.

Đứng thứ hai về kim ngạch là thị trường Nhật Bản, đạt 278,5 triệu USD, tăng 21,46% so với cùng kỳ, riêng tháng 10/2018 đạt 26,98 triệu USD, tăng 11,9% so với tháng 9/2018 và tăng 1,92% so với tháng 10/2017.

Xuất khẩu sang các nước Đông Nam Á đứng thứ ba về kim ngạch sau Trung Quốc và Nhật Bản, chiếm 14,27% tỷ trọng đạt 203,81 triệu USD, tăng 31,18% so với cùng kỳ. Trong đó, Singapore là nước chiếm thị phần lớn (28,4%) đạt 58,3 triệu USD, tăng 78,23% - đây cũng là nước có tốc độ tăng mạnh trong khối các nước Đông Nam Á.

Trong số các thị trường nhập khẩu dây điện và dây cáp điện từ Việt Nam thì Australia tăng vượt trội, tuy chỉ đạt 12,37 triệu USD, nhưng so với cùng kỳ tăng gấp 3,9 lần (tức tăng 289,03%), mặc dù tháng 10/2018 giảm 11,9% so với tháng 9/2018 chỉ với 585,5 nghìn USD, nhưng tăng 68,96% so với tháng 10/2017.

Ở chiều ngược lại, thị trường Anh lại giảm mạnh nhập khẩu dây điện và cáp điện từ Việt Nam, giảm 26,39% tương ứng với 4,67 triệu USD, mặc dù tháng 10/2018 thị trường này nhập khẩu từ Việt Nam lại tăng 34,28% so với tháng 9/2018 đạt 218,85 nghìn USD, nhưng nếu so với tháng 10/2017 lại giảm tới 86,1%.

Tổng kết năm 2018, sản lượng xuất khẩu mặt hàng dây điện và dây cáp điện của CTCP Dây cáp điện Việt Nam tăng trưởng rất tốt, giá trị xuất khẩu đạt hơn 133 tỷ đồng, tập trung ở một số nước như:

1. USA: 49 tỷ đồng.
2. Cambodia: 28 tỷ đồng.
3. Myanmar: 56 tỷ đồng.

Có thể thấy CADIVI là một trong số ít doanh nghiệp có thể xuất khẩu vào các thị trường đòi hỏi chất lượng và chuẩn mực kỹ thuật cao như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ... Đối với sản phẩm của từng thị trường đều phải qua hệ thống quản lý chất lượng riêng biệt để tiến hành kiểm tra, khi đạt chuẩn, phù hợp với yêu cầu của thị trường nhập khẩu thì mới được bán ra thị trường. Tuy nhiên, nếu có những thay đổi về tiêu chuẩn kỹ thuật của các thị trường tiêu thụ thì sẽ dẫn tới sự xáo trộn trong sản xuất và tăng thêm chi phí của Công ty. Bên cạnh tiêu chí chất lượng sản phẩm thì hoạt động xuất khẩu của Công ty còn chịu tác động lớn từ các chính sách thuế suất xuất nhập khẩu tại các nước sở tại.



Các yếu tố rủi ro

Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu đầu vào

Với đặc thù là một doanh nghiệp chế biến công nghiệp, nguyên vật liệu đầu vào chiếm hơn 90% giá trị chi phí sản xuất của CADIVI với ba nguyên liệu chính chiếm tỷ trọng lớn là đồng (hơn 70%), nhôm (7%) và nhựa (7%). Trong năm 2018, giá đồng, nhôm và nhựa đều trong xu hướng giảm. Mặc dù nguồn cung kim loại cơ bản sụt giảm, nhưng nhu cầu đã trở nên thiếu do cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, mà Trung Quốc lại là quốc gia tiêu thụ kim loại hàng đầu thế giới. Giá nhôm đã giảm 12% trong năm nay do những bất ổn vĩ mô nói chung cộng thêm lệnh trừng phạt mà Mỹ áp vào hãng Rusal của Nga đã được dỡ bỏ, giúp nguồn cung từ nhà sản xuất lớn nhất thế giới này trở lại bình thường. Giá hạt nhựa thế giới biến động mạnh, trong năm nay giá dầu thế giới đã chứng kiến những lần trời sập mạnh.

Trước những biến động này, CADIVI có chính sách linh hoạt, đánh giá những biến động và có giải pháp điều chỉnh kịp thời. Ngoài ra, với lợi thế là Doanh nghiệp đầu ngành, CADIVI còn thiết lập được một mạng lưới nhà cung cấp rộng lớn trên cả thị trường trong và ngoài nước, từ đó đảm bảo được tính ổn định của nguồn cung và giá cả.



Rủi ro môi trường

Hầu hết nguyên liệu sản xuất của Công ty đều tác động tiêu cực đến môi trường, bên cạnh đó là những rủi ro nảy sinh trong quá trình sản xuất các sản phẩm dây cáp điện như: không đảm bảo điều kiện làm việc và lao động, sức khỏe, an toàn và an ninh cộng đồng... Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc quản lý rủi ro môi trường, CADIVI luôn chú trọng công tác quản lý, dự báo, xây dựng hệ thống xử lý chất thải đúng tiêu chuẩn. Từ đó, giảm thiểu rủi ro và tác động tiêu cực đến sức khỏe và an toàn của cộng đồng địa phương xung quanh các nhà máy của CADIVI đang hoạt động.

Rủi ro luật pháp

CADIVI hoạt động kinh doanh dưới sự chi phối của hệ thống pháp luật Việt Nam và những chính sách có liên quan, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định về bảo vệ môi trường và an toàn lao động,... Các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này hiện đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về mặt chính sách có thể ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro pháp luật, Công ty luôn theo dõi và cập nhật những văn bản mới nhất của pháp luật của Việt Nam để có những điều chỉnh về hệ thống quy trình, quy định nội bộ để phù hợp với sự thay đổi đó.

Ngoài ra, do đặc thù sản phẩm là dây cáp điện, Công ty còn bị ràng buộc bởi pháp luật trong ngành liên quan đến tiêu chuẩn kỹ thuật như Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật (luật 68/2006/QH11); Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá (luật 05/2007/QH12); Các thông tư, nghị định hướng dẫn thực hiện 02 luật trên (nghị định 132/2008/NĐ-CP, thông tư 21/2007/TT-BKHCN); Quyết định 50/2006/QĐ-TTg về Danh mục sản phẩm, hàng hoá phải kiểm tra về chất lượng (trong đó có sản phẩm Dây cáp điện thuộc nhóm hàng do bộ Khoa học Công nghệ

quản lý); Thông tư 21/2009/TT-BKHCN ban hành và thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 4:2009/BKHCN về an toàn đối với thiết bị điện và điện tử (quy định sản phẩm Dây cáp điện có điện áp dưới và bằng 450/750 V phải gắn dấu Hợp Quy khi lưu thông trên thị trường), ... Thực tế, trình độ sản xuất của CADIVI luôn ở mức đạt và vượt chuẩn quy định nên rủi ro về thay đổi những tiêu chuẩn kỹ thuật ít ảnh hưởng đến hoạt động của công ty.

Bên cạnh đó, CADIVI đang xâm nhập vào thị trường miền Trung và miền Bắc nên sẽ phải có nhiều thay đổi về mẫu mã, bao bì đóng gói... Đồng thời, CADIVI cũng sẽ mở rộng xâm nhập vào các nước phát triển như Mỹ, Nhật, Úc... Hoạt động xuất khẩu của Công ty khi vào các thị trường này sẽ vấp phải các rào cản thuế quan và phi thuế quan. Rào cản phi thuế quan khó khăn nhất là rào cản kỹ thuật (TBT). Sản phẩm CADIVI ngoài việc phải có chất lượng và giá cả ưu việt hơn đối thủ cạnh tranh tại các nước sở tại còn phải đáp ứng các chứng nhận như chứng nhận UL (thị trường Mỹ), chứng nhận SAA (thị trường Úc), chứng nhận JIS, PSE (thị trường Nhật).

Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty như bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến tài sản, con người và hoạt động SXKD của Công ty. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất và tinh thần đối với Công ty. Chính vì thế, CADIVI cần có những biện pháp chủ động trong việc phòng ngừa các rủi ro này bằng các hợp đồng bảo hiểm về tài sản cũng như con người để hạn chế thấp nhất những tổn thất có thể xảy ra.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông

thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo phát triển bền vững



Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết thúc năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh của CADIVI như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2017	2018	% Tăng/ Giảm
1	Doanh thu thuần	6.825.488	8.546.043	25,21%
2	Giá vốn hàng bán	6.138.931	7.660.100	24,78%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	13.147	70.058	432,86%
4	Chi phí tài chính	59.474	86.115	44,79%
5	Chi phí bán hàng	98.339	184.074	87,18%
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	134.599	170.722	26,84%
7	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	407.292	520.162	27,71%
8	Lợi nhuận khác	2.769	10.404	275,78%
9	Lợi nhuận trước thuế	410.061	530.566	29,39%
10	Lợi nhuận sau thuế	326.059	415.145	27,32%
11	EPS	5.504	6.719	22,07%

Tổng kết năm 2018, các chỉ tiêu kinh doanh của Công ty đều đạt được kết quả tốt. Cụ thể, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của Công ty lần lượt đạt 8.546.043 triệu đồng và 415.145 triệu đồng tương ứng tăng 25,21% và 27,32% so với cùng kỳ năm 2017.

Một số biến động đáng lưu ý trong các chỉ tiêu kết quả kinh doanh của Công ty:

- Doanh thu thuần của Công ty đạt hơn 8.546 tỷ đồng cao hơn năm 2017, tăng 25,21%. Mức tăng này tương đồng với mức tăng của chi phí, cho thấy Công ty đã gia tăng tốt lượng sản lượng tiêu thụ trong năm đồng thời kiểm soát tốt chi phí. Từ đó, lợi nhuận trước thuế đạt hơn 530 tỷ đồng,

tăng 29,39% so với cùng kỳ năm 2017.

- Khoản mục Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty ghi nhận giá trị hơn 70 tỷ đồng tăng hơn gấp hơn 5 lần so với khoản 13 tỷ đồng năm 2017. Nguyên nhân do trong năm Công ty đẩy mạnh hoạt động đầu tư tài chính, các khoản mục đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn đều tăng mạnh. Danh mục đầu tư tài chính của CADIVI trong năm 2018 là trái phiếu CTCP Chứng khoán IB, trái phiếu CTCP Khai khoáng luyện kim Bắc Việt, trái phiếu CTCP Đầu tư Nước sạch và Môi trường Eco&More và trái phiếu CTCP Du lịch Lâm Đồng.

- Lợi nhuận khác đạt hơn 10 tỷ đồng so với 2 tỷ đồng năm 2017, nguyên nhân do thu nhập từ thanh lý tài sản, khoản lãi vay được hỗ trợ bởi UBND Tp.HCM, thu nhập từ kiểm kê tài sản, và Công ty thu được lãi quá hạn. Hoạt động thanh lý tài sản của Công ty đi cùng với đầu tư mua mới máy móc thiết bị sản xuất là khoản đầu tư gối đầu tạo tiền để cho tăng trưởng doanh thu những năm tiếp theo.

Tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Thực hiện/ Kế hoạch
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	8.209	8.546	104,11%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	455	531	116,61%

Dù đối mặt với mức độ cạnh tranh ngày càng khốc liệt của các đối thủ trên thị trường, nhưng với sự uy tín, vị thế dẫn đầu trong ngành dây cáp điện Việt Nam và những định hướng đúng đắn của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam. Ban lãnh đạo CADIVI đã không ngừng cố gắng trong việc kiên định với mục tiêu kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, cùng với sự đóng góp của đội ngũ CBCNV CADIVI, năm 2018 doanh thu thuần đạt 8.546 tỷ đồng, đạt 104,11% so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra; Lợi nhuận trước thuế đạt 531 tỷ đồng, vượt 16,61% kế hoạch.



Tổ chức và nhân sự

Thành viên ban điều hành

Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
Lê Quang Định	Tổng giám đốc	115.180	0,199%
Trịnh Quốc Toàn	Phó Tổng giám đốc	30	0,000%
Dương Liễu Mai Khanh	Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng	-	-



Ông Lê Quang Định –
Tổng Giám đốc
Sinh năm: 1964

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1987 - 2007	Công ty CADIVI - Phòng kỹ thuật cơ điện	Phó phòng Kỹ thuật cơ điện
2007 - 2008	Công ty CADIVI - Xí nghiệp Long Biên	Phó Giám đốc
2008 - 2012	Công ty CADIVI - Xí nghiệp Long Biên	Giám đốc
2012 - 2015	Công ty CADIVI	Phó Tổng Giám đốc
2015 - 2016	Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	Tổng Giám đốc kiêm Phó Tổng Giám đốc công ty CADIVI
2016 - nay	Công ty CADIVI	Tổng Giám đốc kiêm Tổng Giám đốc CADIVI Đồng Nai



Bà Dương Liễu Mai Khanh –
Giám đốc tài chính kiêm
Kế toán trưởng
Sinh năm: 1974
Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Kế toán kiểm toán

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1996 - 2001	Công ty CADIVI - Xí nghiệp Khí cụ điện 2 - Phòng Kế toán tài chính	Nhân viên
2001 - 2003	Công ty CADIVI - Xí nghiệp Thành Mỹ - Phòng Kế toán tài chính	Phó phòng phụ trách phòng KTTC
2003 - 2009	Công ty CADIVI - Phòng Kế toán tài chính	Phó phòng
2009 - 2016	Công ty CADIVI - Phòng Kế toán tài chính	Giám đốc tài chính
2016 - nay	Công ty CADIVI - Phòng Kế toán tài chính	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Những thay đổi trong ban điều hành

Từ ngày 1/10/2018, miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc của ông Trịnh Quốc Toàn.

Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Tính đến 31/12/2019, tổng số lao động của Công ty là 945 người với cơ cấu cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động		
1	Đại học và trên Đại học	254	27%
2	Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	250	26%
3	Sơ cấp, Công nhân kỹ thuật	394	42%
4	Lao động phổ thông	47	5%
II	Theo hợp đồng lao động		
1	Lao động toàn thời gian	945	100%
2	Lao động bán thời gian	0	0%
III	Theo giới tính		
1	Nam	824	87%
2	Nữ	121	13%
Tổng		945	100%

Tổ chức và nhân sự

Các chính sách đối với người lao động

Chính sách đào tạo

Nhằm mục đích đảm bảo cho sự phát triển của Công ty, hằng năm CAV luôn đưa ra những chính sách đào tạo để phát triển nguồn nhân lực, đồng thời xây dựng và thực hiện nghiêm túc các kế hoạch đào tạo cho CBNV.

Hoạt động đào tạo của Công ty gồm có:

Tổ chức các lớp huấn luyện định kỳ về phòng chống chữa cháy, an toàn lao động, các buổi tập huấn về sơ cứu, cấp cứu, cách thoát nạn khi gặp nguy hiểm...

CBNV được tham gia các buổi đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty như giao tiếp khách hàng, kỹ năng bán hàng, kiểm tra chất lượng, quản lý hàng hóa... Đồng thời, đào tạo các kỹ năng về quản trị thiết yếu cho cán bộ quản lý cấp trung.

Công ty tạo điều kiện cho những cán bộ công nhân mới tham gia các buổi tập huấn, giới thiệu về Công ty và các sản phẩm của Công ty, nhằm giúp các nhân viên mới nhanh chóng hòa nhập vào môi trường làm việc mới, biết thêm các nội quy lao động, an toàn lao động và các nhiệm vụ theo vị trí của từng người, hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001. Đảm bảo cho CBNV có một môi trường làm việc hiệu

Thường xuyên nhắc lại và đào tạo thêm các công nghệ mới cho công nhân cũ để ngày càng nâng cao tay nghề cho các công nhân.

Chính sách tiền lương, thưởng

Công ty luôn đảm bảo về các chính sách lương thưởng cho CBNV. Việc chi trả lương được thực hiện theo quy định của quy chế trả lương, thưởng trong nội bộ Công ty, đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước, đảm bảo về năng lực công việc cũng như mức độ đóng góp của từng người. Công ty xây dựng các chính sách phúc lợi phù hợp với thực trạng của doanh nghiệp và quy định của pháp luật, đồng thời tạo được sự động viên và khuyến khích cho CBNV làm việc hăng say hơn, tạo được hiệu quả hoạt động kinh doanh cho Công ty.

Công ty thực hiện việc trả lương CBCNV theo đơn giá tiền lương trên đơn vị sản phẩm mà Công ty cho tiêu thụ trong tháng, quý, năm trên vị trí công việc và năng lực làm việc hiệu quả của từng nhân viên trong Công ty.

Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

- Công ty thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động, đảm bảo đúng quy định tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN, tổ chức khám định kỳ cho cán bộ công nhân viên theo quy định, nhằm hỗ trợ phần nào chi phí cho người lao động khi có xảy ra rủi ro trong quá trình làm việc.
- Hằng năm Công ty cho các CBCNV tham gia khám sức khỏe định kỳ để luôn đảm bảo sức khỏe cho nhân viên, đồng thời hỗ trợ chăm sóc cũng như điều trị kịp thời nếu phát hiện có bệnh.
- Công ty thường xuyên tổ chức các buổi nghỉ mát và tạo điều kiện cho CBCNV và gia đình đi nghỉ dưỡng để tạo động lực và tăng tinh thần làm việc cho nhân viên.
- Hằng năm, Công ty còn tổ chức các hoạt động thể thao, các buổi ngoại khóa để nhân viên rèn luyện thêm sức khỏe và tinh thần đoàn kết, tập thể.
- Công ty luôn quan tâm đến điều kiện và môi trường làm việc cho nhân viên, luôn trang bị đầy đủ các cơ sở vật chất và phương tiện làm việc, cung cấp đầy đủ các đồng phục, các thiết bị bảo hộ lao động... Đồng thời bồi dưỡng thêm về vật chất cho người lao động trong môi trường làm việc nặng nhọc hay độc hại.
- Trong Công ty luôn có một Hội đồng bảo hộ lao động nhằm chú trọng các công tác an toàn, và bảo an ninh cho Công ty.
- Công ty có chế độ hỗ trợ cho CBCNV bị bệnh phải điều trị dài hạn, CBCNV nghỉ hưu (nguồn tiền trích từ quỹ tiền lương được tập thể người lao động trong Công ty nhất trí hỗ trợ), hỗ trợ tiền tuất cho CBCNV bị chết, hỗ trợ cho hưu trí Công ty (trích từ quỹ phúc lợi).

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình thực hiện các dự án đầu tư

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		Chuyển sang năm 2019	Tỷ lệ %
			Kế hoạch năm	Thực hiện		
1	Dây chuyền nấu đúc cán Nhôm liên tục	41.569,17	15.385,92	6.547,00		42,55%
2	Nâng cao năng lực sản xuất dây cáp điện		192.242,61	146.650,69	45.591,92	76,28%
	Tổng	41.569,17	207.628,53	153.197,69	45.591,92	

Các công ty con, công ty liên kết

Các công ty con

Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai

Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018	Tăng/giảm 2018 so với 2017
Tổng tài sản	Triệu đồng	561.515	855.507	52,36%
Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.855.838	2.334.332	25,78%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	102.834	183.344	78,29%

Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc

Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018	Tăng/ giảm 2018 so với 2017
Tổng tài sản	Triệu đồng	281.369	266.831	-5%
Tổng doanh thu	Triệu đồng	329.285	365.344	11%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	5.079	10.413	105%

Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

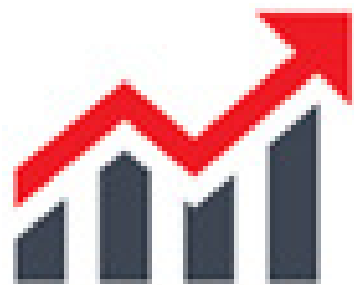
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	2.963.074	3.484.826	17,61%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	6.825.488	8.546.043	25,21%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	407.292	520.162	27,71%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	2.769	10.404	275,78%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	410.061	530.566	29,39%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	326.059	415.145	27,32%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,23	1,39
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,74	0,90
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	56,78%	57,80%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	131,43%	136,94%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	8,31	9,48
Hiệu suất sử dụng tài sản	Vòng	2,63	2,65
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	4,78%	4,86%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	32,15%	28,23%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	12,55%	11,91%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5,97%	6,09%

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (tiếp theo)



Về cơ cấu vốn

Với hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định trong năm 2018, cơ cấu tài sản của Công ty không có nhiều biến động, trong đó chỉ số nợ trên tổng tài sản đạt 57,80% tăng nhẹ so với năm 2017 (56,78%). Trong đó, các khoản nợ vay ngắn và dài hạn trong năm có xu hướng tăng nhằm đáp ứng nhu cầu về vốn để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Về năng lực hoạt động

Hai chỉ số để đánh giá và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp đều có xu hướng cải thiện trong năm 2018. Cụ thể, chỉ số vòng quay hàng tồn kho tăng đạt 9,48 lần (năm 2017 đạt 8,31 lần), chỉ số hiệu suất sử dụng tài sản thể hiện 1 đồng tài sản của Cadivi tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu đạt mức 2,65 lần.



Về khả năng thanh toán

Chỉ tiêu khả năng thanh toán của doanh nghiệp phản ánh năng lực về tài chính mà doanh nghiệp có được để đáp ứng nhu cầu thanh toán các nghĩa vụ tài chính trong tương lai. Các hệ số khả năng thanh toán của Công ty có sự chuyển biến tích cực so với năm trước. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng lên 1,39 lần, hệ số thanh toán nhanh tăng lên 0,9 lần.



Về năng lực hoạt động

Đa số các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời của Công ty đều có sự tăng trưởng tốt, do lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong kỳ có sự gia tăng tương ứng đến 27,32% và 27,71% so với năm 2017 lần lượt đạt mức 415,14 tỷ đồng và 520,16 tỷ đồng. Chỉ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) đạt mức 28,23% và chỉ tiêu ROA đạt 11,91% Như vậy có thể nói, năm 2018 khả năng sinh lời của CAV vẫn được duy trì ổn định ở mức tốt.

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần

Số lượng cổ phần: 57.600.000 cổ phần.

Số cổ phiếu phổ thông: 57.600.000 cổ phần.

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng.

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần

Số cổ phiếu ưu đãi: không có.

Số cổ phiếu đang lưu hành: 57.600.000 cổ phần.

Cơ cấu cổ đông

Tính đến 28/12/2019, danh sách các cổ đông của Công ty có cơ cấu cụ thể như sau:

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông lớn	52.787.468	91,64
	Trong nước	52.787.468	91,64
	Nước ngoài	0	0
2	Công đoàn Công ty	76.812	0,13
	Cổ đông khác	4.735.720	8,23
3	Trong nước	4.629.466	8,04
	Nước ngoài	106.254	0,19
TỔNG CỘNG		57.600.000	100
Trong đó: - Trong nước		57.493.746	99,81
- Nước ngoài		106.254	0,19

Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/ cá nhân	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	52 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	52.787.468	91.64%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2018, CAV không phát hành thêm cổ phiếu nên vốn điều lệ vẫn là 576 tỷ đồng.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có..

Các chứng khoán khác

Không có..

Báo cáo tác động đến môi trường

Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp

STT	Tổng năng lượng sử dụng phân loại theo từng nguồn	2018
1	Loại năng lượng (đơn vị đo)	Điện năng (kWh)
	Tổng năng lượng tiêu thụ (kJun)	21.764.600kWh

Năng lượng tiết kiệm thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

STT	Sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả	Địa điểm hoạt động	Năng lượng tiết kiệm
1	Tiếp tục triển khai Sử dụng SCR + điều khiển PID để điều khiển nhiệt độ.	Các nhà máy	Ước tính giảm 20% năng lượng so với phương án cũ.
2	Tiếp tục triển khai Sử dụng biến tần cho các bơm nước giải nhiệt để điều tiết lưu lượng nước phù hợp	Các nhà máy	Ước tính giảm gần 30% điện sử dụng cho bơm với phương án cũ.

Tiêu thụ nước

71.035 m³



2017

68.263 m³



2018

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Hàng năm, CADIVI đều thực hiện các công tác về kiểm định môi trường tại tất cả các nhà máy theo Bộ Luật lao động số 10/2012/QH13, Nghị định số 45/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 19/2011/TT-BYT của Bộ Y tế. Các hạng mục và chỉ số được đo đạc cụ thể là: vi khí hậu, ánh sáng, tiếng ồn, bụi, hơi khí độc tại các vị trí kỹ thuật theo Thường qui kỹ thuật của Viện Y học Lao động và vệ sinh môi trường – Bộ Y tế.

Tất cả các chỉ tiêu đề ra về bụi toàn phần, bụi hô hấp và hơi khí độc, các nhà máy của CADIVI đều hoàn toàn đáp ứng được theo tiêu chuẩn, đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho các cán bộ, công nhân viên tham gia quá trình sản xuất.

Bên cạnh đó, CADIVI còn định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị, vật tư, hóa chất, nhà xưởng, kho bãi để đảm bảo an toàn lao động.

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương và giờ đào tạo trung bình

Tính đến 30/12/2018, tổng số lao động của Công ty là 945 người với cơ cấu, mức lương trung bình và số giờ đào tạo cụ thể như sau:

STT	Phân loại	Số lượng cuối kỳ	Mức lương trung bình (ĐVT: Triệu đồng/người)	Số giờ đào tạo trung bình (ĐVT: Giờ/ Người)
1	Theo giới tính:	945		
	- Nam	824	7,4	22
	- Nữ	121	8,5	22
2	Theo hợp đồng lao động:	945		
	- Toàn thời gian	945	7,5	22
	- Bán thời gian	0		
3	Theo trình độ:	945		
	- Trên Đại học, Đại học	254	13,4	25
	- Cao đẳng, TCCN	250	6,8	22
	- Sơ cấp, CNKT	441	4,6	21

Phương châm của Công ty là giữ gìn và phát triển nguồn nhân lực là giá trị cốt lõi cho sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty. Công ty không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từ việc xây dựng hệ thống các quy chế, chính sách từ khâu tuyển dụng, đào tạo, lương thưởng đến việc triển khai các tiêu chuẩn quản trị nguồn nhân lực tiên tiến trên thế giới. Cụ thể, số giờ đào tạo trung bình tăng/giảm ở tất cả các trình độ lao động, thu nhập bình quân của người lao động tăng trung bình khoảng ... so với năm 2017. Bên cạnh việc nâng cao năng lực nhân viên, đảm bảo điều kiện an toàn lao động cũng là tiêu chí quan trọng trong quản lý nguồn nhân lực. CADIVI cũng thường xuyên tổ chức đo đạc môi trường lao động tại các nhà máy hàng năm, phát hiện những nơi có yếu tố nóng, độc hại, nguy hiểm để kiến nghị, đề xuất giải pháp khắc phục, cũng như kiểm tra công tác an toàn vệ sinh lao động tại các cơ sở để có các biện pháp chấn chỉnh kịp thời.



Báo cáo tác động đến môi trường

Các công tác cụ thể đã thực hiện liên quan đến giáo dục trong năm

Nội dung công việc đã thực hiện	ĐVT	Số lượng	Xí nghiệp thực hiện	Chi phí (đồng)
Huấn luyện KTAT định kỳ.	Người	638	03 đơn vị	65.150.000
HLuyện cho Cán bộ Q lý từ trường phó phòng, ngành, Chuyên viên trở lên	Người	86	04 đơn vị	20.320.000
Huấn luyện về các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt.	Người	255	03 đơn vị	48.000.000
Huấn luyện VSV.	Người	55	03 đơn vị	23.845.000
Hưởng ứng tuần lễ Quốc gia ATLĐ-VSLĐ-PCCN lần 17	Tuần	01	04 đơn vị	32.000.000
Mua tài liệu tranh ảnh.	Cái		03 đơn vị	9.780.000
Tổng				199.095.000

Chính sách lao động

Năm 2018, CADIVI tiếp tục triển khai chính sách lương, thưởng cho người lao động theo hệ thống thang, bảng lương mới, tăng tỷ trọng tiền lương kết quả công việc trong cơ cấu tiền lương trả hàng tháng. Đi đôi với việc đó là xây dựng KPI cho từng cá nhân để nâng cao chất lượng đánh giá kết quả công việc của cán bộ công nhân viên. Bên cạnh chính sách lương thưởng phù hợp, Công ty còn có các khoản phụ cấp, trợ cấp khác tùy thuộc vào vị trí công tác, năng lực làm việc và đóng góp vào kết quả kinh doanh của người lao động.

Với mong muốn tiếp tục phát huy năng lực làm việc và khuyến khích tinh thần sáng tạo trong sản xuất, Công ty tiến hành tổ chức các phong trào thi đua và thực hành tiết kiệm trong sản xuất. Ngoài các chính sách giúp ổn định thu nhập sinh hoạt, Công ty còn tổ chức các hoạt động nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động. Cụ thể, Công ty phối hợp với các tổ chức Đảng, Đoàn thể xây dựng văn hóa công ty trên nền tảng “Đoàn kết, sáng tạo và phát triển”, đồng thời chăm lo thường xuyên tới đời sống CBCNV trong công ty tạo môi trường làm việc chủ động sáng tạo văn minh và ổn định lâu dài.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

CADIVI nhận thức việc đóng góp vào xã hội và cộng đồng là một yếu tố quan trọng góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty. Vì vậy, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV luôn tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội nhằm góp phần chung tay xây dựng một cộng đồng phát triển, tiến bộ, thông qua các hoạt động từ thiện:

- Ủng hộ Quỹ phòng, chống thiên tai Thành phố năm 2018 của người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp;
- Hưởng ứng chương trình “Chung tay xoa dịu nỗi đau da cam” năm 2018 do Ban tổ chức chương trình “Chung tay xoa dịu nỗi đau da cam” năm 2018 - Công ty cổ phần Tổng hợp Thông tin - Truyền thông Việt Nam.

- Hưởng ứng chương trình “Chung tay vì trẻ em” năm 2018 do BTTE có kế hoạch tổ chức Chương trình văn nghệ “Chung tay vì trẻ em” nhằm gây quỹ bởi sự đóng góp của cộng đồng.
- Ủng hộ CLB hưu trí PCCC TP Hồ Chí Minh nhằm tuyên truyền công tác PCCC gây quỹ nghĩa tình đồng đội.
- Tài trợ - ủng hộ chương trình “Chung tay chăm sóc người cao tuổi nghèo đặc biệt khó khăn năm 2018.
- Tài trợ - ủng hộ chương trình gây quỹ với chủ đề “Sâu nặng nghĩa tình” nhằm hỗ trợ gia đình liệt sỹ, thương bệnh binh và gia đình có công khắc phục khó khăn.

Ngoài ra Công ty còn tài trợ các hoạt động và nhiều chương trình xã hội có ý nghĩa khác.



BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán



Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Môi trường kinh doanh năm 2018

THUẬN LỢI

Thương hiệu CADIVI có mặt trên thị trường và xây dựng vị thế thương hiệu đầu ngành dây cáp điện từ hơn 43 năm qua. Với lợi thế thương hiệu, sản phẩm chất lượng cao và hệ thống đại lý cấp 1 hơn 200 cửa hàng rộng khắp cả nước. CADIVI dễ dàng trở thành một trong những lựa chọn hàng đầu của các công trình dự án điện lực.

Bên cạnh sản phẩm luôn được đánh giá cao thì một trong những niềm tự hào của CADIVI là đội ngũ cán bộ có kỹ năng chuyên môn trình độ cao và kinh nghiệm thực tiễn, nhạy bén tiếp thu những thành tựu KHKT tiên tiến. Hiện nay, CADIVI có trên 50% nhân viên của Công ty là các công nhân kỹ thuật, phần còn lại, bên cạnh các nhà quản lý trung và cao cấp là các cán bộ, nhân viên thuộc các phòng chức năng giàu kinh nghiệm. Chính đội ngũ lao động này đã đóng góp vào tăng trưởng của Công ty trong những năm.

Sản phẩm của Công ty không chỉ được tiêu thụ trong nước mà còn xuất khẩu sang các thị trường Mỹ, Nhật... Hiện tại hoạt động xuất khẩu này đang được duy trì tương đối ổn định, giúp hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty ngày càng phát triển.



KHÓ KHĂN

Hội nhập sâu rộng vừa tạo điều kiện để thương hiệu CADIVI được biết đến trên thế giới nhưng cũng đặt Công ty đứng trước áp lực cạnh tranh lớn. Hội nhập nghĩa là diễn biến kinh tế Việt Nam sẽ ngày càng nhạy cảm đối với biến động tình hình chung của toàn cầu. Một trong các tác động lớn nhất đó là tình hình chung của thị trường trong và ngoài nước đã làm giá cả vật tư, nguyên liệu chủ yếu cho sản xuất biến động liên tục, tăng giảm thất thường.

Tình hình thực hiện kế hoạch

Tình hình hoạt động kinh doanh

Trước bối cảnh những khó khăn, thuận lợi đan xen đó, các chỉ tiêu thực hiện kế hoạch 2018 và kết quả SXKD trong năm 2018 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018		2018/ 2017	TH2018/ KH2018
		Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện		
Doanh thu thuần	Triệu đồng	6.825.488	8.209.000	8.546.043	125,21%	104,11%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	410.061	455.000	530.566	129,39%	116,61%

Kết quả kinh doanh năm 2018 cho thấy doanh thu thuần của CADIVI đạt 8.546.043 triệu đồng, tương đương 104,11% kế hoạch và có sự gia tăng đáng kể so với năm 2017. Tuy vẫn phải chịu nhiều khó khăn với áp lực cạnh tranh khá gay gắt nhưng sự cải tiến không ngừng đã giúp CAV có được một năm hoạt động thuận lợi, lợi nhuận trước thuế tăng mạnh so với năm 2017 đạt 530.566 triệu đồng và hoàn thành chỉ tiêu hoạt động được Đại hội đồng cổ đông giao phó. Từ đó, đảm bảo được các nghĩa vụ đối với Nhà nước và duy trì được việc làm ổn định đối với người lao động.



Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Các mặt hoạt động trong năm 2018 và những tiến bộ đạt được

Công tác thị trường, xây dựng thương hiệu và bán hàng

- Với mục tiêu “Giữ vững, xâm lấn, mở rộng thị trường” trên cơ sở “Giữ vững thị trường nền”, Công ty đã đẩy mạnh vào các dự án ngành điện, xây lắp công nghiệp, xây dựng, quốc phòng, dầu khí, xuất khẩu...
- Công ty luôn thực hiện các chính sách bán hàng hài hòa theo hướng “Thỏa mãn tối đa yêu cầu khách hàng” và luôn đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu về lợi nhuận của Công ty. Đồng thời, hoạt động chăm sóc khách hàng luôn được Công ty chú trọng và thực hiện một cách nghiêm túc.

Công tác tổ chức sản xuất

- Phối hợp chặt chẽ giữa Công ty và các nhà máy sản xuất nhằm đảm bảo thực hiện tốt các đơn đặt hàng, và giao hàng kịp thời gian cho khách hàng.
- Công ty luôn thực hiện đồng bộ giữa nhu cầu của khách hàng đối với nguồn cung ứng vật tư và bố trí máy móc thiết bị nhằm cung cấp đầy đủ sản phẩm cho khách hàng, đồng thời giảm được chi phí, tăng hiệu quả sản xuất cho Công ty.

Công tác Kỹ thuật và Công nghệ

- Công ty luôn cập nhật và ban hành các quy định mới trong công tác quản lý kỹ thuật công nghệ, đưa ra các tiêu chuẩn nhằm nâng cấp chất lượng sản phẩm, tăng hoạt động hiệu quả cho Công ty.
- Các bộ phận trong Công ty đã thực hiện tốt các công tác quản lý kỹ thuật, nâng cao công nghệ, luôn tuân thủ các quy định về công nghệ của Công ty, tăng năng suất hoạt động cho sản xuất bằng cách huy động tăng thêm giờ hoạt động của các máy sản xuất.

Công tác Quản lý chất lượng

- Công ty luôn cho kiểm soát vật tư đầu vào tuân thủ theo các thủ tục của hệ thống QLCL ISO 9001:2008 đã ban hành.
- Công ty áp dụng phần mềm BFO trong việc quản lý chất lượng vật tư đầu vào.
- Ngoài các nguyên vật liệu chính của Công ty như đồng, nhôm, nhựa XLPE, PVC tương đối ổn định thì trong quá trình nhập nguyên liệu Công ty đã phát hiện ra có số lượng vật tư chưa phù hợp trong quá trình sản xuất. Do đó, Khối Sản xuất, Khối Quản lý chất lượng và Khối R&D, các đơn vị đã phối hợp làm việc với nhà cung cấp để xử lý.
- Công ty đã cho lấy mẫu kiểm tra, thử nghiệm điển hình định kỳ các sản phẩm tại các đơn vị, thực hiện KPI trong chương trình BSC. Ngoài ra cho biên soạn, ban hành và triển khai 38 Hướng dẫn kiểm soát chất lượng cho các gói thầu và các sản phẩm mới.
- Áp dụng các chứng nhận sản phẩm: Chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy; Chứng nhận CE; Chứng nhận PSE; Chứng nhận SAA.

Công tác tài chính kế toán

Công tác kế toán

- Công ty đã cho kiểm soát chi phí, doanh thu để báo cáo Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh hàng tháng.
- Luôn thực hiện giám sát kỹ các công tác bán hàng, chiết khấu, công tác thu hồi công nợ để đảm bảo rủi ro và tăng hiệu quả hoạt động cho doanh nghiệp.

Công tác tài chính

- Trong năm, Công ty vẫn luôn tuân thủ đúng các quy định của nhà nước về quản lý và sử dụng các đồng ngoại tệ, khi vẫn đảm bảo được lượng ngoại tệ cung cấp cho các hoạt động với chi phí hợp lý cho khách hàng.
- Trong năm 2018, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu KPI



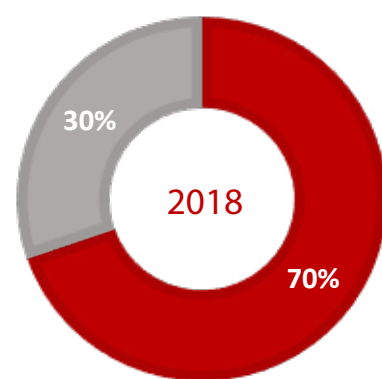
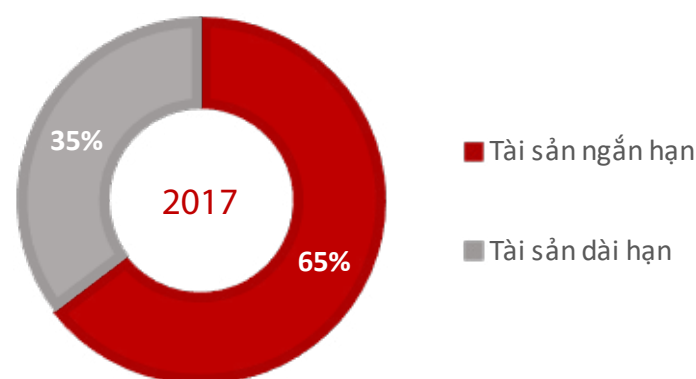
Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	2017 (Tr.đồng)	2018 (Tr.đồng)	% Tăng/Giảm	Tỷ trọng 2017	Tỷ trọng 2018
Tài sản ngắn hạn	1.913.883	2.430.911	27,01%	64,59%	69,76%
Tài sản dài hạn	1.049.191	1.053.914	0,45%	35,41%	30,24%
Tổng tài sản	2.963.074	3.484.826	17,61%	100,00%	100,00%

Năm 2018, tổng tài sản của CADIVI tăng mạnh đến 17,61% so với năm trước đạt mức 3.484.826 triệu đồng, trong đó có sự đóng góp từ tài sản ngắn hạn là chính. Ngoài việc thực hiện đầu tư tài chính ngắn hạn với giá trị lớn trong năm như đã phân tích, sự gia tăng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn và dự trữ tiền cũng là nguyên nhân khiến tài sản ngắn hạn có sự gia tăng.

Tỷ trọng tài sản



Về ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2017	2018
Vay ngắn hạn	Triệu đồng	652.448	704.758
Vay dài hạn	Triệu đồng	104.800	207.061
Chi phí lãi vay	Triệu đồng	32.334	47.496
EBIT/Lãi vay	Lần	14	12

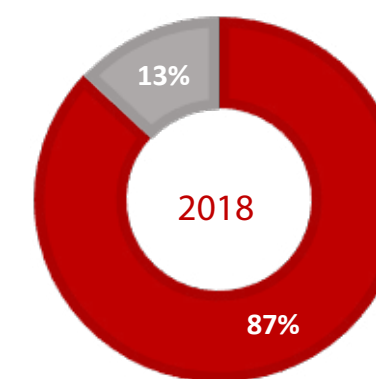
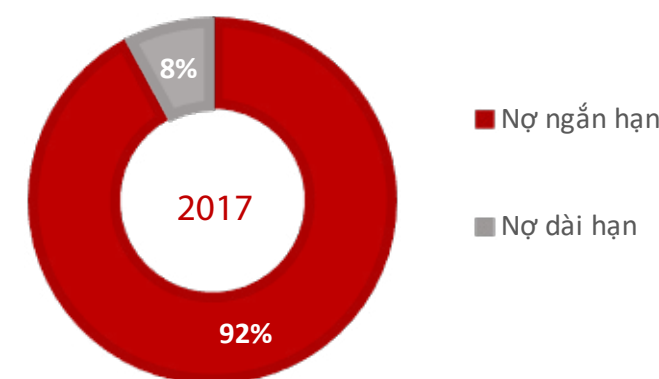
Năm 2018, lãi vay Công ty phải trả là 47.496 triệu đồng, tăng tương đối so với khoản này đã trả cho năm trước do nợ vay trong kỳ có sự gia tăng. Chỉ số EBIT/lãi vay vẫn ở mức khá cao (12 lần) cho thấy khả năng trả lãi vay doanh nghiệp đang rất tốt. Với giá trị các khoản vay nợ đạt mức 912 tỷ đồng trong năm 2018, nếu lãi suất tăng/giảm 1% dẫn đến lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng/giảm 7,3 tỷ đồng.

Tình hình nợ phải trả

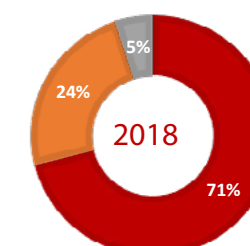
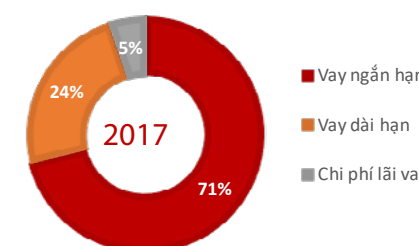
Tiêu chí	2017 (Tr.đồng)	2018 (Tr.đồng)	% Tăng/ Giảm
Nợ ngắn hạn	1.550.717	1.753.720	13,09%
Nợ dài hạn	131.624	260.353	97,80%
Tổng nợ	1.682.341	2.014.073	19,72%
Vốn chủ sở hữu	1.280.733	1.470.753	14,84%
Tổng nguồn vốn	2.963.074	3.484.826	17,61%

Tính đến 31/12/2018, giá trị nợ phải trả của CADIVI đạt 2.014 tỷ đồng, chiếm 57,8% cơ cấu nguồn vốn của Công ty. So với năm trước, khoản này đã tăng đến 19,72% đây chủ yếu là các khoản vay ngân hàng trong năm bổ sung vốn lưu động, đầu tư dự án, mua tài sản. Bên cạnh đó, vốn chủ sở hữu vẫn đạt mức tăng ổn định là 14,84% so với năm 2017, trong đó nổi bật là sự tăng lên của giá trị lợi nhuận sau thuế chưa phân phối do kết quả kinh doanh trong kỳ có sự tăng trưởng đáng kể.

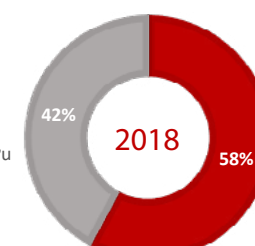
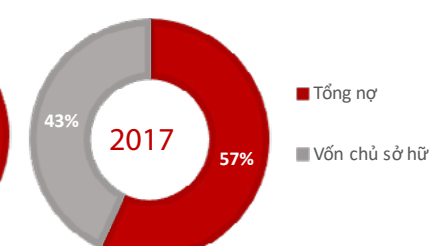
Tỷ trọng nợ



Cơ cấu các nguồn vay



Cơ cấu vốn



Kế hoạch phát triển trong tương lai

Chỉ tiêu cơ bản

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	So sánh với năm 2018
1	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	8.546	8.900	104,1%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tỷ đồng	530,57	479	-9,7%
3	Cổ tức	%	35%	35%	100%

Các giải pháp chung

Để đạt được chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế năm 2019, tập thể CADIVI phải toàn tâm toàn lực nỗ lực thực hiện quyết liệt một số biện pháp cụ thể như sau:

Công tác thị trường và bán hàng

- Duy trì và giữ vững thị trường nền trong nước thông qua kênh đại lý, điều chỉnh quy chế bán hàng, giá bán phù hợp; Tiếp tục đẩy mạnh công tác bán hàng, phát triển thị trường thông qua việc tổ chức hoạt động marketing để nghiên cứu thị trường, nhu cầu của khách hàng.
- Phát triển khách hàng mới, tập trung phát triển thị trường mới Australia, đồng thời tiếp tục chú trọng vào việc nhận đơn hàng đối với thị trường Mỹ, Myanmar, Campuchia. Tiếp tục phát triển mở rộng tìm kiếm thêm các khách hàng khác trong nước và ngoài nước.



Công tác tổ chức sản xuất, quản lý kỹ thuật, chất lượng, sản phẩm mới

- Duy trì và cải tiến hệ thống chất lượng sản phẩm thông qua các giải pháp: Rà soát và cải tiến các quy trình kiểm soát chất lượng từ nguyên vật liệu, con người, thiết bị, phương pháp trên cơ sở hành động phải cụ thể rõ ràng; cần thiết và khả thi; Đảm bảo tất cả người lao động am hiểu công việc của mình được phân công, làm được và tuân thủ thực hiện; Các kết quả chất lượng phải được đo lường, được ghi nhận và phân tích để cải tiến.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát chất lượng sản phẩm tại các nhà máy theo các quy định của công ty và của tiêu chuẩn sản phẩm để đảm bảo chất lượng của sản phẩm phù hợp khi giao đến khách hàng.
- Tiếp tục duy trì việc kiểm tra quy định về bảo toàn chất lượng sản phẩm của công ty tại các đơn vị.
- Kịp thời ban hành các hướng dẫn quản lý chất lượng cho các sản phẩm để cung cấp cho nhà máy triển khai thử nghiệm.
- Đảm bảo công tác nghiệm thu chất lượng sản phẩm cho các hợp đồng ký với điện lực đúng tiến độ và phù hợp với yêu cầu.
- Tiếp tục thực hiện và hoàn thành chứng nhận hợp quy theo qui định mới; hoàn thành các chứng nhận: SAA, TUV-Mark.

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có.

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của

Ban Tổng giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

Năm qua, kinh tế Việt Nam đã có sự tăng trưởng khá tốt tác động tích cực đến lực cầu thị trường đối với các sản phẩm của công ty. Quá trình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018 mặt dù vẫn gặp phải nhiều khó khăn do đặc điểm cạnh tranh vẫn tồn tại trong ngành. Tuy nhiên với những nỗ lực, chỉ đạo kịp thời từ Hội đồng quản trị cùng sự triển khai đồng bộ, nhất quán trong công tác thực hiện của Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận nghiệp vụ liên quan, Công ty đã có một năm hoạt động thuận lợi và đạt được nhiều kết quả ấn tượng. Kênh bán hàng qua đại lý vẫn tiếp tục chứng tỏ được tầm quan trọng của mình khi vẫn là kênh mang lại doanh thu chủ lực trong công tác tiêu thụ sản phẩm. Các dự án đầu tư đúng theo chiến lược và kế hoạch phát triển tiếp tục phát huy tác dụng, điều này góp phần gia tăng hiệu quả hoạt động, giúp cho công ty hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2018.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2018	TH năm 2018	So với KH
1	Doanh thu thuần hợp nhất	Tỉ đồng	8.209	8.546,04	104,11%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tỉ đồng	455	530,57	116,61%
3	Cổ tức	%	35%	35%	100%

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Trong năm qua, ban điều hành đã tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, tạo bầu không khí đoàn kết, hăng say làm việc trong công ty. Ban điều hành luôn chỉ đạo các bộ phận chức năng rà soát phát hiện những chi phí bất hợp lý, kịp thời điều chỉnh nhằm giảm thiểu chi phí như chi phí hội họp, khánh tiết, chi phí lương... nhằm mục tiêu cuối cùng hạ giá thành sản phẩm.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	So sánh với năm 2018
1	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	8.546	8.900	104,1%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tỷ đồng	530,57	479	-9,7%
3	Cổ tức	%	35%	35%	100%



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát



Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	-	-
2	Lê Bá Thọ	Thành viên HĐQT	-	-
3	Phan Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT	-	-
4	Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên HĐQT	-	-
5	Lê Quang Định	Thành viên HĐQT	115.180	0,199%
6	Nguyễn Quốc Vinh	Thành viên HĐQT	-	-
7	Nguyễn Trần Đăng Phước	Thành viên HĐQT	-	-

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hiện tại, HĐQT chưa thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã tổ chức các lần họp trực tiếp và gián tiếp thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Cụ thể:

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch	36/36	100%	
Lê Bá Thọ	Thành viên	36/36	100%	Trong 36 phiên họp có của HĐQT có 22 phiên họp ủy quyền cho TT.HĐQT ký các Nghị quyết của HĐQT căn cứ theo QĐ số 10/2017-HĐQT Vv Ban hành cơ chế họp và lấy ý kiến và ra nghị quyết của TT.HĐQT
Phan Ngọc Hiếu	Thành viên	36/36	100%	Trong 36 phiên họp có của HĐQT có 22 phiên họp ủy quyền cho TT.HĐQT ký các Nghị quyết của HĐQT căn cứ theo QĐ số 10/2017-HĐQT Vv Ban hành cơ chế họp và lấy ý kiến và ra nghị quyết của TT.HĐQT

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên	36/36	100%	Trong 36 phiên họp có của HĐQT có 22 phiên họp ủy quyền cho TT.HĐQT ký các Nghị quyết của HĐQT căn cứ theo QĐ số 10/2017-HĐQT Vv Ban hành cơ chế họp và lấy ý kiến và ra nghị quyết của TT.HĐQT
Lê Quang Định	Thành viên	36/36	100%	
Nguyễn Quốc Vinh	Thành viên	36/36	100%	Trong 36 phiên họp có của HĐQT có 22 phiên họp ủy quyền cho TT.HĐQT ký các Nghị quyết của HĐQT căn cứ theo QĐ số 10/2017-HĐQT Vv Ban hành cơ chế họp và lấy ý kiến và ra nghị quyết của TT.HĐQT
Nguyễn Trần Đăng Phước	Thành viên	36/36	100%	Trong 36 phiên họp có của HĐQT có 22 phiên họp ủy quyền cho TT.HĐQT ký các Nghị quyết của HĐQT căn cứ theo QĐ số 10/2017-HĐQT Vv Ban hành cơ chế họp và lấy ý kiến và ra nghị quyết của TT.HĐQT



Hội đồng quản trị

Các Nghị Quyết/Quyết Định

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	41/2018/NQ- HĐQT	10/01/2018	Phê duyệt thưởng cho khách hàng
2	41A/2018/NQ- HĐQT	15/01/2018	Phê duyệt chủ trương khen thưởng đại lý
3	42/2018/NQ- HĐQT	30/01/2018	Thoái vốn đầu tư tại Công ty CP Điện Cơ
4	43/2018/NQ- HĐQT	31/02/2018	Phê duyệt chủ trương mua nguyên vật liệu
5	44/2018/NQ- HĐQT	06/02/2018	Phê duyệt đầu tư dây chuyền bọc cáp trung thế
6	45/2018/NQ- HĐQT	07/02/2018	Phê duyệt thành lập nhóm tối ưu hóa
7	46/2018/NQ- HĐQT	23/02/2018	Phê duyệt việc chuyển nhượng quyền góp vốn của CADIVI cho Công ty CP Chế tạo điện cơ Hà Nội
8	47/2018/NQ- HĐQT	26/02/2018	Ký HĐ Tư vấn tìm kiếm nhà thầu trong việc thực hiện gói thầu
9	48/2018/NO- HĐQT	08/03/2018	Thống nhất tạm ứng cổ tức đợt 2
10	49/2018/NQ- HĐQT	13/03/2018	Phê duyệt Quỹ tiền lương và đơn giá tiền lương
11	50/2018/NQ- HĐQT	30/03/2018	Chấp nhận Đơn xin từ nhiệm chức danh Tổng giám đốc CADIVI Miền Bắc
12	51/2018/NQ- HĐQT	10/05/2018	Chấp thuận Đơn xin từ nhiệm chức danh Thành viên HĐQT của CADIVI Miền Bắc
13	52/2018/NQ- HĐQT	14/05/2018	Chấp thuận về việc sắp xếp lại bộ máy tổ chức của CADIVI Miền Bắc
14	52 A/2018/NQ- HĐQT	14/05/2018	Ký hợp đồng cung cấp dây và cáp điện với đại lý để thực hiện dự án
15	53/2018/NQ- HĐQT	24-05-18	Mua máy móc thuộc Dự án nâng cao năng lực cạnh tranh
16	54/2018/NQ- HĐQT	30-05-18	Ghi nhận báo cáo SXKD 4 tháng đầu năm 2018, và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị
17	55/2018/NQ- HĐQT	04-06-18	Ký Hợp đồng mua bán trái phiếu với công ty đầu tư nước sạch và môi trường ECO
18	56/2018/NQ- HĐQT	06-06-18	Tăng vốn điều lệ của CADIVI Đồng Nai

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
19	57/2018/NQ- HĐQT	11-06-18	Cho phép Công ty CADIVI Đồng Nai đầu tư vốn vào Nhựa Hà Nội
20	58/2018/NQ- HĐQT	13-06-18	Ký hợp đồng tín dụng VCB
21	59/2018/NQ- HĐQT	28-06-18	Đồng ý chủ trương đối với việc chuyển nhượng khu đất tại Đà Nẵng
22	60/2018/NQ- HĐQT	04-07-18	Đồng ý chủ trương thực hiện dự án cung cấp dây và cáp điện theo thẩm quyền của TT.HĐQT
23	60 A/2018/NQ- HĐQT	04-07-18	Chấp thuận chọn và ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính 2018
24	61/2018/NQ- HĐQT	05-07-18	Đồng ý chủ trương phương thức lựa chọn nhà thầu cho Dự án
25	62/2018/NQ- HĐQT	19-07-18	Thông qua mô hình quản trị Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám Đốc
26	63/2018/NQ- HĐQT	23-07-18	Đồng ý chủ trương nhận chuyển nhượng lại khu đất tại Long Thành.
27	64/2018/NQ- HĐQT	15-08-18	Thông qua chủ trương thực hiện giao dịch với công ty có liên quan
28	65/2018/NQ- HĐQT	13-09-18	Thông qua một số báo cáo và tờ trình
29	66/2018/NQ- HĐQT	21-09-18	Đồng ý chủ trương chuyển nhượng đất tại Long Thành.
30	66A/2018/NQ- HĐQT	21-09-18	Chỉ định và ủy quyền đại diện phần vốn tại Công ty Nhựa Hà Nội
31	67/2018/NQ- HĐQT	25-10-18	Phê duyệt chi phí thực hiện dự án.
32	68/2018/NQ- HĐQT	03-11-18	Phê duyệt hạn mức công nợ với khách hàng nước ngoài
33	69/2018/NQ- HĐQT	16-11-18	Phê duyệt nội dung tái ký hợp đồng tín dụng và hạn mức phát hành thư tín dụng với Ngân hàng
34	70/2018/NQ- HĐQT	17-11-18	Phê duyệt về việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Nhựa Hà Nội
35	71/2018/NQ- HĐQT	23-11-18	Tạm ứng cổ tức 2018
36	72/2018/NQ- HĐQT	28-12-18	Thông qua về mặt chủ trương đối với kế hoạch SXKD năm 2019 với các chỉ tiêu chủ yếu, sẽ trình ĐHĐCĐ Phê duyệt một số Tờ trình của Tổng Giám Đốc
37	47/2018/QĐ- HĐQT	13-03-18	Phê duyệt quỹ tiền lương năm 2017

Hội đồng quản trị

Các Nghị Quyết/Quyết Định

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
38	48/2018/QĐ-HĐQT	13-03-18	Phê duyệt dự án nâng cao năng lực sản xuất dây cáp điện tại Nhà máy CADIVI MT
39	49/2018/QĐ-HĐQT	13-03-18	Phê duyệt phương án sắp xếp bộ máy tổ chức Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc
40	50/2018/QĐ-HĐQT	13-03-18	Phê duyệt thù lao HĐQT và BKS năm 2017
41	51/2018/QĐ-HĐQT	13-03-18	Kế hoạch tổ chức Hội Nghị Khách Hàng toàn quốc năm 2018
42	52/2018/QĐ-HĐQT	30-03-18	Chấp thuận Đơn xin từ nhiệm TGD CADIVI MB
43	53/2018/QĐ-HĐQT	30-03-18	Bổ nhiệm Tổng giám đốc CADIVI Miền Bắc
44	54/2018/QĐ-HĐQT	10-05-18	Từ nhiệm Thành viên HĐQT của CADIVI Miền Bắc
45	55/2018/QĐ-HĐQT	10-05-18	Bổ nhiệm thành viên HĐQT CADIVI Miền Bắc
46	56/2018/QĐ-HĐQT	30-05-18	Phê duyệt mở chi nhánh của CADIVI
47	57/2018/QĐ-HĐQT	30-05-18	Bổ nhiệm Thành viên HĐQT chuyên trách
48	57A/2018/QĐ-HĐQT	01-06-18	Quy định về mức lương cho thành viên HĐQT chuyên trách
49	58/2018/QĐ-HĐQT	19-07-18	Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám Đốc
50	59/2018/QĐ-HĐQT	13-09-18	Điều chỉnh hệ thống vị trí công việc
51	60/2018/QĐ-HĐQT	13-09-18	Về phương án chuyển đổi mô hình của công ty CADIVI Miền Bắc.
52	61/2018/QĐ-HĐQT	13-09-18	Phê duyệt chủ trương thực hiện các dự án
53	62/2018/QĐ-HĐQT	13-09-18	Phê duyệt chọn vị trí tư vấn nhân sự và chuỗi cung ứng
54	63/2018/QĐ-HĐQT	28-12-19	Thông qua về mặt chủ trương đối với kế hoạch SXKD năm 2019 với các chỉ tiêu chủ yếu, sẽ trình ĐHCĐ.
55	65/2018/QĐ-HĐQT	28-12-19	Phê duyệt thù lao HĐQT, BKS 2018
56	66/2018/QĐ-HĐQT	28-12-19	Phê duyệt xử lý nợ của khách hàng

Đào tạo về quản trị công ty

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và Thư ký công ty đều đã tham gia các khóa đào tạo quản trị công ty theo quy định.

Ban kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và Thư ký công ty đều đã tham gia các khóa đào tạo quản trị công ty theo quy định.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Vũ Thanh Hương	Trưởng BKS	-	-
2	Dư Vĩnh Hồng Quân	Thành viên BKS	330	0%
3	Phạm Tường Minh	Thành viên BKS	-	-



Ban kiểm soát

Tổng kết hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tổ chức riêng 01 cuộc họp có các thành viên BKS tham gia với nội dung cụ thể như sau:

Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
Vũ Thanh Hương	Trưởng BKS	1/1	100%	
Dư Vĩnh Hồng Quân	Thành viên BKS	1/1	100%	
Phạm Tường Minh	Thành viên BKS	1/1	100%	

Chương trình hoạt động của BKS trong năm 2017 là tiến hành họp để xây dựng kế hoạch hoạt động của BKS trong năm, trong đó có phân công công việc đảm trách của từng thành viên BKS, cụ thể như sau:

- Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề được đưa ra và thông qua tại cuộc họp.
- Ban Kiểm soát thông báo kịp thời những kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và những kiến nghị cần thiết đến Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc theo quy định. Các báo cáo của Ban Kiểm soát được thông qua ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình Đại hội cổ đông.
- Ban Kiểm soát đã phối hợp với Kiểm toán độc lập và Kiểm soát nội bộ của Công ty thực hiện công tác kiểm soát hiệu quả, báo cáo kiểm soát đảm bảo minh bạch, trung thực và đưa ra nhiều kiến nghị giúp HĐQT, Ban Điều hành thực hiện công tác quản lý hiệu quả, hạn chế rủi ro, tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ công ty.

Hoạt động giám sát đối với HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý

- Ban kiểm soát theo dõi sát các hoạt động của Hội đồng quản trị thông qua các biên bản họp, nghị quyết của Hội đồng quản trị cung cấp cho Ban kiểm soát.
- Ban kiểm soát thực hiện chức năng kiểm soát hoạt động của Ban điều hành thông qua việc xoát xét thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT và BTGD trong năm

Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động kiểm tra, giám sát nhưng vẫn duy trì sự độc lập của mình trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Nội dung	2018
Lương thưởng của của Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng	9.669.837.593
Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký	1.758.727.000
Tổng cộng	11.166.291.306

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, người có liên quan

Không có.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ, người có liên quan của Công ty

Tên khách hàng	CADIVI Bán hàng (ĐVT: Đồng)	CADIVI Thu tiền (ĐVT: Đồng)	Ghi chú
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	37.297.727.481	41.346.085.859	Bán thành phẩm, hàng hóa
Công Ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	239.739.942.807	258.866.210.275	Bán thành phẩm, hàng hóa
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	881.796.164.983	947.708.724.555	Bán hạt nhựa, đồng, dây thép mạ kẽm, MMTB thanh lý, dịch vụ cho thuê MMTB
Công Ty Cổ Phần Thiết Bị Điện	70.213.574.124	76.616.748.781	Bán thành phẩm, hàng hóa

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ, người có liên quan của Công ty (tiếp theo)

Tên nhà cung cấp	CADIVI Trả tiền (ĐVT: Đồng)	CADIVI Mua hàng hóa, dịch vụ (ĐVT: Đồng)	Ghi chú
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng Gelex	4.880.920.000	16.400.384.146	Mua hàng hóa và dịch vụ
Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai	305.352.306.323	348.984.601.887	Mua hàng hóa và dịch vụ
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	308.129.434.989	257.872.376.882	Mua hàng hóa và dịch vụ
Công ty TNHH Một thành viên Gelex Land	1.469.600.000	1.360.000.000	Mua hàng hóa và dịch vụ
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	130.494.130	131.083.856	Mua hàng hóa và dịch vụ
Công ty Dây đồng Việt Nam	1.167.401.107.254	1.134.033.419.484	Mua hàng hóa và dịch vụ
Tổng Cty CP Thiết bị điện VN	2.011.446.714.268	1.854.939.451.612	Mua hàng hóa và dịch vụ

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Tham gia thị trường chứng khoán từ năm 2014, Công ty luôn duy trì công tác cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước ban hành và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ công ty.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến của Kiểm toán viên
Báo cáo tài chính



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến của Kiểm toán viên

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất”.

Báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 39

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300381564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 8 năm 2007, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 415/QĐ-SGDHCM cấp ngày 28 tháng 10 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất mua bán dây cáp điện, khí cụ điện, vật liệu kỹ thuật điện, sản phẩm từ kim loại màu, thiết bị phụ tùng máy móc và vật tư các loại; kinh doanh nhà ở và đầu tư, xây dựng văn phòng cho thuê.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 70 - 72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và bốn (4) chi nhánh gồm:

- ▶ Nhà máy Cadivi Sài Gòn đặt tại Lô C2-4, đường N7, Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Nhà máy Cadivi Miền Đông đặt tại đường số 1, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai;
- ▶ Nhà máy Cadivi Miền Trung đặt tại đường số 2, Khu Công nghiệp Hòa Cẩm, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng; và
- ▶ Chi nhánh Cadivi Tây Nguyên đặt tại số 401 Phạm Văn Đồng, Phường Tân Hòa, Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Daklak.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch kiêm Thường trực
	Thành viên Thường trực
Ông Lê Quang Định	Thành viên
	Thành viên Thường trực
Ông Lê Bá Thọ	Thành viên
Ông Phan Ngọc Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Vinh	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên
Ông Nguyễn Trần Đăng Phước	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Thanh Hương	Trưởng ban
Ông Dư Vĩnh Hồng Quân	Thành viên
Ông Phạm Tường Minh	Thành viên

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Quang Định Tổng Giám đốc
 Ông Trịnh Quốc Toàn Phó Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Quang Định.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.014.073.115.772	1.682.340.811.178
310	I. Nợ ngắn hạn		1.753.719.813.335	1.550.716.524.885
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	624.273.748.462	426.186.717.439
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	61.708.869.865	69.619.857.808
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	41.786.663.018	18.419.401.924
314	4. Phải trả người lao động		63.256.407.942	47.840.596.439
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	13.425.897.853	12.437.469.424
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	196.831.252.428	291.043.711.829
320	7. Vay ngắn hạn	20	704.757.960.495	652.447.511.799
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	30.069.108.401	10.931.633.094
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		17.609.904.871	21.789.625.129
330	II. Nợ dài hạn		260.353.302.437	131.624.286.293
338	1. Vay dài hạn	20	207.060.791.110	104.799.837.689
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.3	-	86.505.123
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	19	53.292.511.327	26.737.943.481
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	21	1.470.752.547.440	1.280.732.984.810
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.470.752.547.440	1.280.732.984.810
411	1. Vốn cổ phần		576.000.000.000	576.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		576.000.000.000	576.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		330.908.090.000	330.908.090.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		108.113.062.534	108.113.062.534
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		455.731.394.906	265.711.832.276
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		140.738.072.309	54.852.588.396
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		314.993.322.597	210.859.243.880
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.484.825.663.212	2.963.073.795.988


 Nguyễn Chí Đức
 Người lập


 Dương Liễu Mai Khanh
 Kế toán trưởng


 Lê Quang Định
 Tổng Giám đốc



Ngày 1 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Lê Quang Định
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2019



Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61348213/20370423-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 1 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3021-2019-004-1



Trần Thanh Thủy
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3076-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.430.911.281.861	1.913.883.018.041
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	218.360.067.997	123.229.747.235
111	1. Tiền		133.360.067.997	123.229.747.235
112	2. Các khoản tương đương tiền		85.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	517.609.417.690	317.124.375.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		422.109.417.690	191.524.375.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		95.500.000.000	125.600.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		825.478.915.806	703.833.584.094
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	821.597.726.975	722.518.257.295
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	11.320.209.952	17.958.789.976
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		9.238.259.510	3.369.328.345
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7, 8	(16.831.229.850)	(40.375.818.581)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		153.949.219	363.027.059
140	IV. Hàng tồn kho	9	856.829.333.487	758.676.082.741
141	1. Hàng tồn kho		875.406.482.655	771.459.190.480
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(18.577.149.168)	(12.783.107.739)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.633.546.881	11.019.228.971
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	4.738.373.271	8.082.308.196
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.895.173.610	2.936.920.775
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.053.914.381.351	1.049.190.777.947
220	I. Tài sản cố định		592.233.584.471	519.924.790.738
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	550.198.801.381	473.162.741.488
222	Nguyên giá		1.087.694.556.388	935.782.729.277
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(537.495.755.007)	(462.619.987.789)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	42.034.783.090	46.762.049.250
228	Nguyên giá		53.903.488.151	57.028.488.151
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.868.705.061)	(10.266.438.901)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		269.047.381.106	217.877.035.029
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	269.047.381.106	217.877.035.029
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		4.255.681.301	161.040.866.312
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		-	155.560.992.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.255.681.301	4.879.874.312
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	600.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		188.377.734.473	150.348.085.868
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	183.325.385.203	150.348.085.868
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	5.052.349.270	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.484.825.663.212	2.963.073.795.988

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	8.671.373.412.264	6.934.266.046.098
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(125.330.147.562)	(108.778.074.025)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	8.546.043.264.702	6.825.487.972.073
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(7.660.099.875.840)	(6.138.931.065.588)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		885.943.388.862	686.556.906.485
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	70.057.608.210	13.147.348.289
22	7. Chi phí tài chính	24	(86.114.690.431)	(59.473.991.557)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(47.496.167.371)	(32.333.576.659)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết		5.071.466.057	-
25	9. Chi phí bán hàng	25	(184.073.760.317)	(98.338.733.336)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(170.721.570.122)	(134.599.373.974)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		520.162.442.259	407.292.155.907
31	12. Thu nhập khác	28	18.301.881.485	4.983.419.618
32	13. Chi phí khác	28	(7.897.879.729)	(2.214.741.347)
40	14. Lợi nhuận khác		10.404.001.756	2.768.678.271
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		530.566.444.015	410.060.834.178
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(120.560.248.390)	(82.979.792.768)
52	17. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	29.1	5.138.854.393	(1.021.797.530)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		415.145.050.018	326.059.243.880

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		401.393.322.596	326.059.243.880
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		13.751.727.422	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.6	6.719	5.504
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	21.6	6.719	5.504



Nguyễn Chí Đức
Người lập

Ngày 1 tháng 3 năm 2019



Dương Liễu Mai Khanh
Kế toán trưởng

Lê Quang Định
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		530.566.444.015	410.060.834.178
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định ("TSCĐ")	10, 11	101.365.924.302	61.023.516.411
03	Các khoản dự phòng		27.941.495.851	22.385.609.333
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		564.280.099	9.088.664
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(77.041.439.721)	(10.479.357.123)
06	Chi phí lãi vay	24	47.496.167.371	32.333.576.659
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		630.892.871.917	515.333.268.122
09	Tăng các khoản phải thu		(103.561.571.429)	(60.391.570.080)
10	Tăng hàng tồn kho		(103.947.292.175)	(49.415.135.347)
11	Tăng các khoản phải trả		100.388.733.562	58.473.172.378
12	Tăng chi phí trả trước		(29.633.364.410)	(17.043.722.555)
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(230.585.042.690)	(191.524.375.000)
14	Tiền lãi vay đã trả		(46.834.344.536)	(32.105.322.453)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(99.932.017.881)	(87.728.266.324)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(42.753.480.225)	(40.330.201.773)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		74.034.492.133	95.267.846.968
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ		(236.222.606.462)	(232.494.659.350)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		21.332.771.966	74.743.417
23	Tiền chi gửi kỳ hạn ngân hàng		(91.000.000.000)	(120.600.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi kỳ hạn ngân hàng		121.700.000.000	25.047.794.267
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(217.113.274.000)	(155.560.992.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		373.298.459.011	260.000.000
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		67.086.210.105	10.431.870.289
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		39.081.560.620	(472.841.243.377)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu thuần từ phát hành cổ phiếu		-	574.199.790.000
33	Tiền thu từ đi vay	20	3.589.726.648.662	3.051.101.573.345
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	20	(3.435.155.246.545)	(2.921.476.288.659)
36	Cổ tức đã trả	21.5	(172.589.148.500)	(315.759.507.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(18.017.746.383)	388.065.567.186
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		95.098.306.370	10.492.170.777
60	Tiền đầu năm		123.229.747.235	112.369.980.938
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		32.014.392	367.595.520
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	218.360.067.997	123.229.747.235



Nguyễn Chí Đức
Người lập

Ngày 1 tháng 3 năm 2019



Dương Liễu Mai Khanh
Kế toán trưởng



Lê Quang Định
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300381564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 8 năm 2007, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 415/QĐ-SGDHCM cấp ngày 28 tháng 10 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là sản xuất mua bán dây cáp điện, khí cụ điện, vật liệu kỹ thuật điện, sản phẩm từ kim loại màu, thiết bị phụ tùng máy móc và vật tư các loại; kinh doanh nhà ở và đầu tư, xây dựng văn phòng cho thuê.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 70 - 72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và bốn (4) chi nhánh gồm:

- ▶ Nhà máy Cadivi Sài Gòn đặt tại Lô C2-4, đường N7, Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Nhà máy Cadivi Miền Đông đặt tại đường số 1, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai;
- ▶ Nhà máy Cadivi Miền Trung đặt tại đường số 2, Khu Công nghiệp Hòa Cẩm, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng; và
- ▶ Chi nhánh Cadivi Tây Nguyên đặt tại số 401 Phạm Văn Đồng, Phường Tân Hòa, Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Daklak.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 938 (31 tháng 12 năm 2017: 936).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có hai công ty con như sau:

Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai

Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3603058326 do SKHĐT Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 11 tháng 6 năm 2013 và các GCNĐKDN điều chỉnh. Hoạt động chính của công ty là sản xuất dây cáp điện, cáp viễn thông; sản xuất khí cụ điện, vật liệu kỹ thuật điện và các sản phẩm từ kim loại (đồng, nhôm). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong công ty con này.

Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc

Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0107408296 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 4 năm 2016 và các GCNĐKDN điều chỉnh. Hoạt động chính của công ty là bán buôn dây cáp điện, khí cụ điện, thiết bị phụ tùng máy móc và vật tư các loại. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam ("công ty mẹ") và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa. - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm. - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các quyền sử dụng đất

Các quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của các quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã mua và được trích hao mòn theo thời hạn mua, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc thiết bị	6 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Các chi phí trả trước

Các chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của các chi phí đó tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời hạn từ 39 đến 50 năm. Các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong mười (10) năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Nhóm Công ty. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cản trở vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh sẽ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Dự phòng

Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Cụ thể, khoản dự phòng bảo hành được trích lập bằng 5% giá trị hợp đồng theo Thư bảo lãnh.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích theo mức bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và mức trích lập tối thiểu cho người lao động bằng hai tháng lương theo Luật Lao động và các hướng dẫn có liên quan. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm ngoại trừ phần thanh toán cho người lao động.

Khoản trợ cấp mất việc làm trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 49 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh dây cáp điện. Ngoài ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý, và theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc thời điểm chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. GIAO DỊCH MUA VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN TRONG NĂM

Vào ngày 13 tháng 6 năm 2018, Nhóm Công ty đã mua thêm 1.752.700 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("HPC") với tổng giá phí là 166.153.253.325 VND, sau khi trừ cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trước ngày mua với tổng số tiền là 3.236.000.000 VND, tương đương 26,97% tỷ lệ sở hữu trong HPC. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong HPC tăng từ 24,89% lên 51,86% tại ngày này, và HPC trở thành công ty con của Nhóm Công ty.

Vào ngày 30 tháng 11 năm 2018, Nhóm Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, tương đương với 51,86% tỷ lệ sở hữu trong HPC, theo Nghị quyết số 70/2018/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 11 năm 2018 của Hội đồng Quản trị. Theo đó, số tiền lãi là 40.067.137.752 VND từ việc chuyển nhượng này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh số 22.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.690.794.590	1.129.903.101
Tiền gửi ngân hàng	130.669.273.407	122.099.844.134
Các khoản tương đương tiền (*)	85.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	218.360.067.997	123.229.747.235

(*) Các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 5,3% đến 5,5%/năm.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán kinh doanh	422.109.417.690	191.524.375.000
- Trái phiếu (i)	422.109.417.690	191.524.375.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	95.500.000.000	125.600.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	95.500.000.000	125.600.000.000
GIÁ TRỊ THUẬN	517.609.417.690	317.124.375.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN (tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản đầu tư trái phiếu như sau:

Tổ chức phát hành	Số lượng	Giá trị		Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
		VND	Lãi suất %/năm		
Công Ty Cổ phần Đầu Tư Nước Sạch Và Môi Trường Eco&More	270	281.806.027.290	10,5%	Kỳ hạn 3 năm, trả lãi 6 tháng/lần và đáo hạn gốc vào ngày 21 tháng 6 năm 2021	(*)
Công Ty Cổ phần Khai Khoáng Luyện Kim Bắc Việt	50	53.303.390.400	10,2%	Kỳ hạn 3 năm, trả lãi 1 năm/lần và đáo hạn gốc vào ngày 28 tháng 3 năm 2020	(*)
Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng	52	52.000.000.000	10,5%	Kỳ hạn 4 năm, trả lãi 6 tháng/lần và đáo hạn gốc vào ngày 4 tháng 5 năm 2021	(*)
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	35	35.000.000.000	9,5%	Kỳ hạn 2 năm, trả lãi 6 tháng/lần và đáo hạn gốc vào ngày 21 tháng 2 năm 2019	Tín chấp

TỔNG CỘNG **422.109.417.690**

(*) Các khoản trái phiếu này được đảm bảo bằng cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam nắm giữ bởi các tổ chức phát hành trái phiếu và các bên thứ ba.

Nhóm Công ty phân loại các trái phiếu nêu trên là chứng khoán kinh doanh (ngắn hạn) dựa trên chủ trương chuyển nhượng trước ngày đáo hạn được Ban Tổng Giám đốc xây dựng khi đầu tư các khoản mục này.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ 3 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 5,5% đến 7%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên khác	815.607.985.134	717.146.698.197
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	206.778.295.075	209.836.034.793
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Và Xây Lắp Điện Số Năm	131.347.390.333	-
- Công ty Cổ phần Điện máy Thành phố Hồ Chí Minh	122.063.764.217	76.003.768.972
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện Lực Thành Phố Hồ Chí Minh - Ban quản lý dự án lưới điện Thành Phố Hồ Chí Minh	75.196.941.540	-
- Các khách hàng khác	280.221.593.969	431.306.894.432
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	5.989.741.841	5.371.559.098
TỔNG CỘNG	821.597.726.975	722.518.257.295
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(16.831.229.850)	(32.902.583.989)
GIÁ TRỊ THUẦN	804.766.497.125	689.615.673.306

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	32.902.583.989	22.498.417.403
Tăng: Dự phòng trích lập trong năm	3.217.537.571	10.404.166.586
Giảm: Xóa sổ trong năm	(19.288.891.710)	-
Số cuối năm	16.831.229.850	32.902.583.989

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Thanh Kim Cát	1.631.653.177	-
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 30)	-	3.591.500.000
RMM Metallhandel GMBH	-	7.473.234.592
Các nhà cung cấp khác	9.688.556.775	6.894.055.384
TỔNG CỘNG	11.320.209.952	17.958.789.976
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(7.473.234.592)
GIÁ TRỊ THUẦN	11.320.209.952	10.485.555.384

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.473.234.592	4.810.320.827
Tăng: Dự phòng trích lập trong năm	-	2.662.913.765
Giảm: Xóa sổ trong năm	<u>(7.473.234.592)</u>	<u>-</u>
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>7.473.234.592</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	355.865.584.190	469.906.555.590
Nguyên vật liệu	291.407.618.784	202.336.861.452
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	145.671.775.563	95.388.173.367
Hàng mua đang đi đường	76.051.057.154	-
Công cụ, dụng cụ	3.034.139.086	2.679.527.403
Hàng hóa	1.131.595.745	1.147.812.679
Hàng gửi bán	2.244.712.133	259.989
TỔNG CỘNG	875.406.482.655	771.459.190.480
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(18.577.149.168)</u>	<u>(12.783.107.739)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	856.829.333.487	758.676.082.741

Nhóm Công ty đã sử dụng một phần giá trị hàng tồn kho này làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng, như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	12.783.107.739	3.077.587.207
Tăng: Dự phòng trích lập trong năm	17.548.024.001	17.069.604.890
Giảm: Sử dụng và hoàn nhập trong năm	<u>(11.753.982.572)</u>	<u>(7.364.084.358)</u>
Số cuối năm	<u>18.577.149.168</u>	<u>12.783.107.739</u>

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND			VND	
	Năm nay	Năm trước		Năm nay	Năm trước
Nguyên giá			Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển
Số đầu năm	282.322.925.172	579.010.394.928			
Tăng do hợp nhất kinh doanh	110.698.258.756	408.795.948.824			
Chuyển từ xây dựng cơ bản hoàn thành	4.895.620.657	86.717.965.300			
Mua mới trong năm	3.248.529.148	68.443.768.914			
Thanh lý	<u>(1.201.231.586)</u>	<u>(13.026.153.328)</u>			
Giảm do hợp nhất kinh doanh	<u>(110.698.258.756)</u>	<u>(411.356.128.347)</u>			
Số cuối năm	<u>289.265.843.391</u>	<u>718.585.796.291</u>			
Trong đó:			Thiết bị văn phòng		
Đã khấu hao hết	38.837.762.134	196.342.666.033			
Giá trị hao mòn lũy kế			Tổng cộng		
Số đầu năm	(80.911.000.343)	(344.600.192.695)			
Tăng do hợp nhất kinh doanh	(85.756.842.716)	(330.923.292.800)			
Khấu hao trong năm	(17.899.315.619)	(72.617.174.253)			
Thanh lý	772.631.130	5.355.302.398			
Giảm do hợp nhất kinh doanh	<u>88.163.007.125</u>	<u>344.441.473.489</u>			
Số cuối năm	<u>(95.631.520.423)</u>	<u>(398.343.883.861)</u>			
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	201.411.924.829	234.410.202.233			
Số cuối năm	<u>193.634.322.968</u>	<u>320.241.912.430</u>			
Trong đó:					
Thế chấp cho các khoản vay (Thuyết minh số 20)	33.995.866.877	12.400.134.247			

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	54.116.285.959	2.912.202.192	57.028.488.151
Mua mới trong năm	-	4.067.650.200	4.067.650.200
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	2.017.059.046	2.017.059.046
Thanh lý, nhượng bán	(3.125.000.000)	-	(3.125.000.000)
Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	(6.084.709.246)	(6.084.709.246)
Số cuối năm	50.991.285.959	2.912.202.192	53.903.488.151
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(9.878.145.277)	(388.293.624)	(10.266.438.901)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	(2.017.059.046)	(2.017.059.046)
Hao mòn trong năm	(1.019.825.724)	(730.052.747)	(1.749.878.471)
Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	2.164.671.357	2.164.671.357
Số cuối năm	(10.897.971.001)	(970.734.060)	(11.868.705.061)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	44.238.140.682	2.523.908.568	46.762.049.250
Số cuối năm	40.093.314.958	1.941.468.132	42.034.783.090

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án xây dựng tại 799 Kinh Dương Vương	127.443.482.364	127.243.482.364
Dự án nâng cao năng lực sản xuất dây cáp điện tại nhà máy Miền Trung	104.743.314.342	-
Dự án đầu tư dây chuyền nấu đúc cán nhôm	21.118.012.758	650.901.000
Mua sắm, sửa chữa và nâng cấp máy móc thiết bị	6.036.372.789	18.663.496.927
Lắp đặt và xây dựng lò đồng	-	62.528.219.882
Khác	9.706.198.853	8.790.934.856
TỔNG CỘNG	269.047.381.106	217.877.035.029

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	4.738.373.271	8.082.308.196
Chi phí làm biển quảng cáo	1.824.669.538	272.159.077
Chi phí thử nghiệm	1.299.735.417	3.403.505.000
Công cụ, dụng cụ	1.213.692.044	3.165.226.488
Khác	400.276.272	1.241.417.631

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (tiếp theo)

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dài hạn	183.325.385.203	150.348.085.868
Tiền thuê đất (*)	164.099.612.843	126.280.001.988
Công cụ, dụng cụ	6.955.054.356	8.448.469.977
Chi phí lắp đặt máy móc, thiết bị	3.617.062.175	5.683.954.835
Khác	8.653.655.829	9.935.659.068
TỔNG CỘNG	188.063.758.474	158.430.394.064

(*) Nhóm Công ty đã sử dụng một phần tiền thuê đất trả trước này làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng, như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 30)	254.968.598.032	160.817.887.304
Mitsui & Co., Ltd	152.877.856.052	-
Glencore International Ag	42.777.159.668	78.055.354.562
Khác	173.650.134.710	187.313.475.573
TỔNG CỘNG	624.273.748.462	426.186.717.439

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	16.514.000.000	20.410.219.655
Công ty Cổ phần Đầu tư Mai Tiến Phát	7.938.000.000	11.094.529.543
Công ty TNHH Thiết bị điện Quý Dân	7.115.025.296	17.181.900.000
Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 30)	982.518.381	-
Khác	29.159.326.188	20.933.208.610
TỔNG CỘNG	61.708.869.865	69.619.857.808

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.974.450.564	120.560.248.390	(99.932.017.881)	32.602.681.073
Thuế giá trị gia tăng	3.238.419.363	204.584.931.285	(203.418.832.901)	4.404.517.747
Thuế thu nhập cá nhân	1.557.605.624	20.358.534.030	(17.701.868.397)	4.214.271.257
Thuế khác	1.648.926.373	4.440.065.495	(5.523.798.927)	565.192.941
TỔNG CỘNG	18.419.401.924	349.943.779.200	(326.576.518.106)	41.786.663.018

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	5.113.274.000	6.812.001.000
Chi phí lãi vay	2.266.004.681	1.604.181.846
Lãi ký quỹ (*)	615.554.433	1.702.536.477
Chi phí phải trả khác	5.431.064.739	2.318.750.101
TỔNG CỘNG	13.425.897.853	12.437.469.424

(*) Lãi ký quỹ được chi trả cho các đại lý tối đa 9,6%/năm dựa trên số tiền ký quỹ.

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược (*)	94.384.704.851	286.276.557.976
Hợp đồng ngoại tệ có kỳ hạn	90.447.835.282	-
Cổ tức phải trả	4.016.729.450	3.805.877.950
Các khoản khác	7.981.982.845	961.275.903
TỔNG CỘNG	196.831.252.428	291.043.711.829

(*) Đây là khoản nhận ký quỹ và ký cược từ khách hàng cho các hợp đồng bán sản phẩm và được chi trả lãi tối đa 9,6%/năm.

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	30.069.108.401	10.931.633.094
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	23.269.108.401	10.931.633.094
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	6.800.000.000	-
Dài hạn	53.292.511.327	26.737.943.481
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	53.292.511.327	26.737.943.481
TỔNG CỘNG	83.361.619.728	37.669.576.575

20. VAY

	VND		
	Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 20.1)	Vay dài hạn (Thuyết minh số 20.2)	Tổng cộng
Số đầu năm	652.447.511.799	104.799.837.689	757.247.349.488
Nhận tiền vay	3.443.135.912.552	146.590.736.110	3.589.726.648.662
Trả tiền vay	(3.413.385.463.856)	(21.769.782.689)	(3.435.155.246.545)
Phân loại lại	22.560.000.000	(22.560.000.000)	-
Số cuối năm	704.757.960.495	207.060.791.110	911.818.751.605

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Vay ngắn hạn (tiếp theo)

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (i)	682.197.960.495	652.447.511.799
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20.2)	22.560.000.000	-
TỔNG CỘNG	704.757.960.495	652.447.511.799

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	357.971.141.259	5,47%	Ngày 26 tháng 3 năm 2019	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	153.187.912.266	5,6%	Ngày 27 tháng 3 năm 2019	
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	52.114.176.545	5,4%	Ngày 30 tháng 1 năm 2019	
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	34.145.636.300	5,5%	Ngày 5 tháng 1 năm 2019	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	30.100.000.000	5,8%	Ngày 17 tháng 1 năm 2019	
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Sở Giao Dịch 2	27.376.000.000	5,5%	Ngày 2 tháng 2 năm 2019	
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	27.303.094.125	5,28%	Ngày 2 tháng 1 năm 2019	
TỔNG CỘNG	682.197.960.495			

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay này nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động.

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20.	VAY (tiếp theo)							
20.2	Vay dài hạn từ ngân hàng	Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng như sau:	Ngân hàng	Số cuối năm VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo	Mục đích
			Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	79.521.436.177	8,5%	Ngày 19 tháng 4 năm 2022	Quyền tài sản của bên thế chấp phát sinh từ hợp đồng số 147/HĐ-EVN/HANOI	Bổ sung vốn lưu động
			Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	79.030.055.000	8,75%	Ngày 2 tháng 1 năm 2023	Công trình nhà xưởng gắn liền với đất tại Lô C2-4, Đường N7, Khu công nghiệp ("KCN") Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; máy móc thiết bị hình thành trong tương lai thuộc dự án đầu tư lần này và máy xoắn Drum Twister thuộc dự án "Nhà máy sản xuất dây cáp điện, Giai đoạn 1: Đầu tư xây dựng mới nhà máy sản xuất cáp ngầm trung thế và hạ thế"	Thực hiện dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất dây cáp điện - Giai đoạn 2: Đầu tư xây dựng mới nhà xưởng và bổ sung thiết bị sản xuất dây cáp điện" tại Lô C2-4, Đường N7, KCN Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
			Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	67.069.299.933	7,5%	Ngày 18 tháng 10 năm 2024	Quyền sử dụng đất tại đường số 2, Khu Công nghiệp Hòa Cẩm, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng và máy móc thiết bị tại nhà máy Miền Trung trị có giá trị tương đương 13.533.000.000 VND	Tài trợ dự án nâng cao năng lực sản xuất dây cáp điện Nhà máy Cadivi Miền Trung
			Ngân hàng TNHH CTCB - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	4.000.000.000	6,65%	Ngày 15 tháng 3 năm 2019	Tài sản và hàng hóa có giá trị tương đương 24 tỷ VND	Mua đất và nhà xưởng tại KCN Long Thành, Đường Phước Hữu, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
			TỔNG CỘNG	229.620.791.110				
			Trong đó:					
			Vay dài hạn đến hạn trả	22.560.000.000				
			Vay dài hạn	207.060.791.110				

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21.	VỐN CHỦ SỞ HỮU							
21.1	Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu		Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	
							VND	
			Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:					
			Số đầu năm	288.000.000.000	43.234.340.000	108.113.062.534	308.869.576.474	748.216.979.008
			Tăng vốn trong năm	288.000.000.000	287.673.750.000	-	-	575.673.750.000
			Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	326.059.243.880	326.059.243.880
			Trích quỹ	-	-	-	(52.416.988.078)	(52.416.988.078)
			Cổ tức công bố	-	-	-	(316.800.000.000)	(316.800.000.000)
			Số cuối năm	576.000.000.000	330.908.090.000	108.113.062.534	265.711.832.276	1.280.732.984.810
			Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018:					
			Số đầu năm	576.000.000.000	330.908.090.000	108.113.062.534	265.711.832.276	1.280.732.984.810
			Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	401.393.322.596	401.393.322.596
			Trích quỹ	-	-	-	(38.573.759.966)	(38.573.759.966)
			Cổ tức công bố (i)	-	-	-	(172.800.000.000)	(172.800.000.000)
			Số cuối năm	576.000.000.000	330.908.090.000	108.113.062.534	455.731.394.906	1.470.752.547.440

(i) Vào ngày 20 tháng 4 năm 2018, Công ty đã chia cổ tức đợt 2 năm 2017 bằng tiền tại mức 15% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông theo phê duyệt của Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 18 tháng 4 năm 2018. Vào ngày 19 tháng 12 năm 2018, Công ty đã chỉ trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 bằng tiền tại mức 15% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông theo Quyết định số 71/2018/QĐ-HĐQT ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Hội đồng Quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần (VND)	% sở hữu	Vốn cổ phần (VND)	% sở hữu
Công ty TNHH Thiết bị điện Gelex	540.432.450.000	93.83%	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	-	-	459.436.480.000	79.8%
Cổ đông khác	35.567.550.000	6.17%	116.563.520.000	20.2%
TỔNG CỘNG	576.000.000.000	100%	576.000.000.000	100%

21.3 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	576.000.000.000	288.000.000.000
Tăng trong năm	-	288.000.000.000
Số cuối năm	576.000.000.000	576.000.000.000

21.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	57.600.000	57.600.000
Cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	57.600.000	57.600.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	57.600.000	57.600.000

21.5 Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức công bố	172.800.000.000	316.800.000.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	(172.589.148.500)	(315.759.507.500)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.6 Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	401.393.322.596	326.059.243.880
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)(*)	(14.380.460.504)	(38.573.759.966)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	387.012.862.092	287.485.483.914
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	57.600.000	52.234.521
Lãi trên cổ phiếu (VND)		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.719	5.504
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	6.719	5.504

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn này để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2017 theo Nghị Quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên ngày 18 tháng 4 năm 2018.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến được trích lập với tỷ lệ 1% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 cộng với 20% phần vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 18 tháng 4 năm 2018.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	8.671.373.412.264	6.934.266.046.098
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	7.440.493.490.671	6.070.433.512.275
Doanh thu bán nguyên vật liệu	1.069.556.461.619	776.696.816.212
Doanh thu bán hàng hóa	118.925.193.439	69.176.369.637
Doanh thu khác	42.398.266.535	17.959.347.974
Các khoản giảm trừ doanh thu	(125.330.147.562)	(108.778.074.025)
Trong đó:		
Chiết khấu thương mại	(120.932.214.801)	(100.056.966.137)
Hàng bán bị trả lại	(4.397.932.761)	(8.721.107.888)
DOANH THU THUẦN	8.546.043.264.702	6.825.487.972.073
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên khác	8.180.897.712.955	6.522.198.183.560
Doanh thu đối với các bên liên quan	365.145.551.747	303.289.788.513

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý công ty con	40.067.137.752	-
Lãi từ chứng khoán kinh doanh	14.401.592.963	1.364.999.983
Lãi tiền gửi	12.264.433.101	8.498.047.506
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.078.886.819	1.939.579.899
Khác	1.245.557.575	1.344.720.901
TỔNG CỘNG	70.057.608.210	13.147.348.289

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	6.440.727.218.388	5.295.226.766.764
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	1.067.601.771.884	755.500.219.725
Giá vốn của hàng hóa đã bán	119.813.455.359	65.221.606.754
Giá vốn khác	27.192.564.040	13.276.951.813
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.764.866.169	9.705.520.532
TỔNG CỘNG	7.660.099.875.840	6.138.931.065.588

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	47.496.167.371	32.333.576.659
Chiết khấu thanh toán	17.403.701.643	-
Lãi ký quỹ	14.241.676.948	24.356.297.075
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.732.604.149	3.171.109.373
Lỗ từ mua công ty con	1.259.458.057	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(386.991.550)
Khác	981.082.263	-
TỔNG CỘNG	86.114.690.431	59.473.991.557

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.310.299.009	48.755.697.011
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	41.923.196.417	19.843.092.353
Chi phí bảo hành	40.951.723.081	2.252.728.712
Chi phí nhân viên	34.684.543.649	24.140.685.542
Chi phí khác	6.203.998.161	3.346.529.718
TỔNG CỘNG	184.073.760.317	98.338.733.336

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	69.247.060.492	51.360.962.387
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.709.012.257	18.622.433.183
Chi phí dự phòng	3.601.353.541	12.256.076.381
Chi phí khấu hao tài sản	5.460.944.062	4.802.422.715
Chi phí khác	76.703.199.770	47.557.479.308
TỔNG CỘNG	170.721.570.122	134.599.373.974

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	7.302.583.094.808	5.434.682.430.292
Chi phí nhân viên	280.984.795.447	217.966.016.967
Chi phí dịch vụ mua ngoài	115.995.208.151	86.208.670.408
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10 và 11)	101.365.924.302	61.023.516.411
Chi phí khác	174.574.919.975	131.636.379.138
TỔNG CỘNG	7.975.503.942.683	5.931.517.013.216

28. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	18.301.881.485	4.983.419.618
Phạt vi phạm hợp đồng	10.607.373.426	-
Tiền hỗ trợ lãi suất nhận được	3.383.010.130	2.081.699.614
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	2.087.314.895	74.743.417
Thu nhập khác	2.224.183.034	2.826.976.587
Chi phí khác	(7.897.879.729)	(2.214.741.347)
Tiền phạt thuế	(5.736.598.638)	(1.935.805.114)
Chi phí khác	(2.161.281.091)	(278.936.233)
LỢI NHUẬN KHÁC	10.404.001.756	2.768.678.271

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	120.560.248.390 (5.138.854.393)	82.979.792.768 1.021.797.530
TỔNG CỘNG	115.421.393.997	84.001.590.298

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	530.566.444.015	410.060.834.178
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	106.113.288.803	82.012.166.836
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm):		
Chi phí không được trừ	6.412.347.385	2.241.254.449
Lãi từ việc thanh lý khoản đầu tư	2.430.468.196	-
Phân bổ lợi thế thương mại	1.546.702.391	-
Lãi từ hoạt động đầu tư liên kết	(1.014.293.211)	-
Cổ tức được miễn thuế	(63.145.060)	(59.764.560)
Khác	(3.974.507)	(192.066.427)
Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm	115.421.393.997	84.001.590.298

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được tính toán dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo các thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (thuế TNDN hoãn lại phải trả) cùng với biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
VND				
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.509.594.781	-	3.509.594.781	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.360.000.000	-	1.360.000.000	-
Lợi nhuận chưa thực hiện của tài sản loại trừ trên hợp nhất	109.485.966	(185.971.894)	295.457.860	(710.184.279)
Chi phí phải trả	73.268.523	168.985.219	(95.716.696)	(470.672.304)
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Lỗi chênh lệch tỷ giá	-	(69.518.448)	69.518.448	159.059.053
Tài sản thuế TNDN hoãn lại (Thuế TNDN hoãn lại phải trả)	5.052.349.270	(86.505.123)		
Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			5.138.854.393	(1.021.797.530)

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ cao nhất	Mua nguyên vật liệu Cổ tức đã trả	1.854.939.451.612 76.496.202.000	1.518.059.927.333 236.740.064.000
Công ty Dây đồng Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua nguyên vật liệu Bán thành phẩm	1.134.033.419.484 -	66.919.115.856 32.533.182.500
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán thành phẩm Mua nguyên vật liệu	327.847.824.266 257.872.376.882	107.452.375.165 123.686.442.869
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán thành phẩm	37.297.727.481	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Gelex	Công ty trong cùng Tập đoàn	Dịch vụ xây dựng	16.400.384.146	15.003.227.273

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan được trình bày như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	5.989.741.841	5.371.559.098
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Gelex	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	-	3.591.500.000
Phải trả người bán ngắn hạn				
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ cao nhất	Mua nguyên vật liệu	161.640.866.008	132.654.183.493
Công ty Dây đồng Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua nguyên vật liệu	83.729.537.578	3.693.883.393
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Gelex	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	9.568.002.561	-
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	30.191.885	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua nguyên vật liệu	-	24.469.820.418
			254.968.598.032	160.817.887.304
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	Công ty trong cùng Tập đoàn	Ứng trước tiền hàng	982.518.381	-

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm kế toán như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thù lao	15.906.557.092	14.238.628.177

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các loại ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	14.792.41	307.706,78
- Đồng Euro (EUR)	678,65	581,48
Nợ khó đòi đã xử lý (VND):		
- Công ty Cổ phần Sản Xuất Thanh Vân	19.260.526.417	-
- RMM Metallhandel GMBH	7.473.234.592	-
- Khác	412.181.263	-
TỔNG CỘNG	27.145.942.272	-

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.


Nguyễn Chí Đức
Người lập


Dương Liễu Mai Khanh
Kế toán trưởng


Lê Quang Định
Tổng Giám đốc

Ngày 1 tháng 3 năm 2019

PHỤ LỤC 1:

GIẢI TRÌNH NGUYÊN NHÂN BIẾN ĐỘNG LỢI NHUẬN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 trình bày kết quả lợi nhuận kế toán trước thuế là 530,566 tỷ đồng cho thấy có biến động tăng 120,505 tỷ đồng (tương ứng tăng 29,4%), so với kết quả lợi nhuận kế toán trước thuế của cùng kỳ kế toán năm 2017 là 410,060 tỷ đồng. Theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài Chính ban hành, Nhóm Công ty xin giải trình nguyên nhân tăng lợi nhuận như sau:

- Doanh thu bán hàng đại lý cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 tăng 16% so với cùng kỳ năm 2017 do Nhóm Công ty có chính sách tiếp cận các dự án xây dựng thông qua kênh đại lý;
- Doanh thu bán hàng điện lực cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 tăng 54,06% so với cùng kỳ năm 2017 do Nhóm Công ty thực hiện cải tiến công nghệ, tiết kiệm chi phí trong sản xuất nên giá bán sản phẩm cạnh tranh khi tham gia đấu thầu dự án ngành điện.



Nguyễn Chí Đức
Người lập

Dương Liễu Mai Khanh
Kế toán trưởng

Lê Quang Định
Tổng Giám đốc

Ngày 1 tháng 3 năm 2019



XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

TP. HCM, ngày 27 tháng 03 năm 2019
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ QUANG ĐỊNH

CADIVI
ĐEM NGUỒN SÁNG ĐẾN MỌI NƠI

CADIVI
ĐEM NGUỒN SÁNG ĐẾN MỌI NƠI

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



Số 70 – 72
Nam Kỳ
Khởi Nghĩa,
Quận 1,
TP. Hồ Chí Minh



Telephone
(028) 3829 9443
Fax:
(028) 3829 9437



Website:
<http://cadivi-vn.com>